



*Hướng tới*

# Quản Lý Tài Nguyên Thiên Nhiên Bền Vững

*tại Việt Nam*

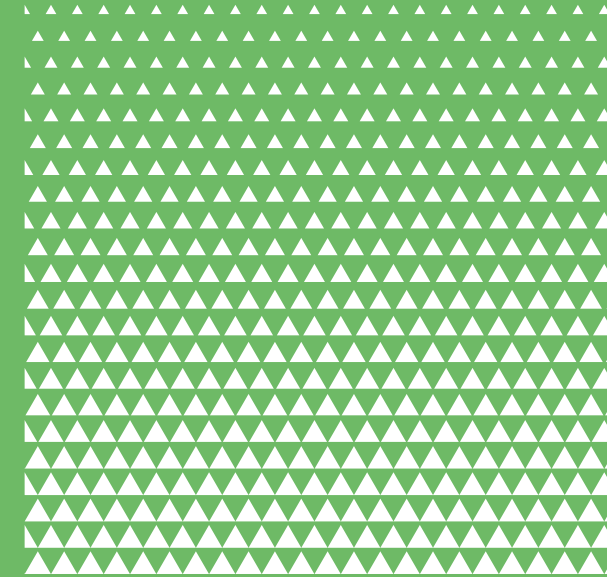


Giới thiệu thành quả của Dự án SNRM



NHÀ XUẤT BẢN  
THẾ GIỚI

Hướng tới  
**QUẢN LÝ  
TÀI NGUYÊN  
THIÊN NHIÊN  
BỀN VỮNG**  
tại Việt Nam



**NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI**

Trụ sở chính:  
46 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (024) 3825 3841  
Email: [thegioi@thegioipublishers.vn](mailto:thegioi@thegioipublishers.vn)  
Website: [www.thegioipublishers.vn](http://www.thegioipublishers.vn)

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Trần Đoàn Lâm  
Biên tập: Bùi Thế Khoa  
Chủ biên:

Liên kết xuất bản, phát hành và quảng cáo:  
Công ty TNHH More Production Việt Nam  
Số 163 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

In 0.000 bản, khổ 17,5 cm x 25 cm  
tại Công ty TNHH ..... Hà Nội.  
Địa chỉ: ..... Hà Nội.  
Số xác nhận ĐKXB: 0000000000  
Quyết định xuất bản số: 0000000  
cấp ngày 00 tháng 00 năm 2020.  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

- Giới thiệu thành quả của Dự án SNRM -

## Lời giới thiệu

Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Dự án SNRM) là một dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, thực hiện phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), và năm tỉnh, bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Lâm Đồng. Khung thời gian thực hiện dự án là từ năm 2015 đến năm 2021.

Dự án SNRM bao gồm bốn Hợp phần sau đây, với mục tiêu tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững bằng cách chú trọng vào rừng, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và người dân địa phương.

### ◇ Hợp phần 1: Hỗ trợ chính sách

Thúc đẩy xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên.

### ◇ Hợp phần 2: Quản lý rừng bền vững và REDD+

Thúc đẩy quản lý rừng bền vững thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

### ◇ Hợp phần 3: Bảo tồn đa dạng sinh học

Xây dựng hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp, hợp tác để bảo tồn và quản lý bền vững Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang tại tỉnh Lâm Đồng.

### ◇ Hợp phần 4: Chia sẻ kiến thức

Tăng cường tổng hợp, chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm của Dự án SNRM với các bên liên quan.

Kể từ khi thực hiện vào tháng 8/2015, Dự án SNRM đã triển khai nhiều hoạt động trong mỗi hợp phần, như hỗ trợ xây dựng Luật Lâm nghiệp và các văn bản chính sách quan trọng khác, hỗ trợ kết nối đầu tư tư nhân, xây dựng hệ thống theo dõi diễn biến rừng và hệ thống giám sát đa dạng sinh học, thúc đẩy thực hiện REDD+ và cải thiện sinh kế của người dân địa phương.

Tài liệu này giới thiệu một số thành quả chính của Dự án SNRM nhằm chia sẻ bài học kinh nghiệm. Chúng tôi hi vọng tài liệu này sẽ là nguồn thông tin tham khảo hữu ích trong lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tương tự.



**Phạm Vũ Thăng**

Giám đốc, Dự án SNRM  
Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn



**Hiroki Miyazono**

Cố vấn trưởng, Dự án SNRM  
Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

## Mục lục

### Chương 1 Quản lý và bảo vệ rừng

Thành quả 1	Quản lý rừng cấp thôn bản	t.10
Thành quả 2	Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) với Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM)	t.12
Thành quả 3	Hoạt động trồng rừng	t.14

### Chương 2 Phát triển sinh kế

Thành quả 1	Xúc tiến tổ chức sản xuất và tiếp thị sản phẩm	t.18
Thành quả 2	Cải thiện sinh kế thông qua Diễn đàn Quản lý hợp tác (mô hình nấm hương Shiitake)	t.21
Thành quả 3	Thúc đẩy canh tác cà phê bền vững	t.24
Thành quả 4	Mở rộng quy mô sử dụng bếp đun cải tiến	t.26

### Chương 3 Theo dõi diễn biến rừng

Thành quả 1	Hệ thống Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (sử dụng Ứng dụng di động trên máy tính bảng và Ứng dụng Phát hiện biến động rừng)	t.30
Thành quả 2	Giám sát rừng bằng thiết bị bay không người lái	t.32

### Chương 4 Hợp tác công-tư

Thành quả 1	Kết nối đầu tư và thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	t.36
Thành quả 2	Kết nối doanh nghiệp tư nhân để thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững	t.38
Thành quả 3	Thiết lập chuỗi cung ứng và tiếp thị (mô hình nấm hương Shiitake)	t.40

### Chương 5 Bảo tồn đa dạng sinh học

Thành quả 1	Xây dựng và Thực thi Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	t.44
Thành quả 2	Giáo dục môi trường	t.46
Thành quả 3	Hệ thống giám sát Đa dạng sinh học dành cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	t.48
Thành quả 4	Hệ thống Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Đa Dạng Sinh Học (NBDS)	t.50

### Chương 6 REDD+

Thành quả 1	Chuyển từ giai đoạn sẵn sàng sang chi trả dựa trên kết quả REDD+	t.54
Thành quả 2	Kế hoạch hành động REDD + cấp tỉnh (PRAP)	t.56

### Lời cảm ơn





# Quản lý và bảo vệ rừng

Rừng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ cần thiết cho cuộc sống của con người và môi trường toàn cầu. Mỗi chúng ta có vai trò, trách nhiệm quản lý rừng bền vững cho thế hệ hiện tại và tương lai

## [Thành quả 1] QUẢN LÝ RỪNG CẤP THÔN BẢN

### 1. Bối cảnh và mục tiêu

Quản lý rừng cấp thôn bản là một trong những hoạt động quan trọng cần được thúc đẩy để thực hiện Kế hoạch hành động REDD + cấp tỉnh (PRAP). Dự án SNRM đã hỗ trợ tăng cường năng lực thể chế và kỹ thuật của Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp bản và Tổ tuần tra rừng cấp bản trong bảo vệ và phát triển rừng.

### 2. Hoạt động và kết quả đầu ra

● **Thành lập Tổ tuần tra/ tổ chuyên trách bảo vệ rừng cấp bản:** Với sự hỗ trợ của Dự án SNRM, tổ tuần tra được thành lập và củng cố tại mỗi bản mục tiêu của 4 tỉnh.

● **Quy chế bảo vệ và phát triển rừng cấp bản:** Quy chế bảo vệ và phát triển rừng cấp bản được xây dựng thông qua sự tham gia của người dân và được UBND xã phê duyệt. Các hoạt động vi phạm và chế tài xử lý vi phạm đã được xác định rõ trong quy chế.

● **Trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng tại các bản mục tiêu:** Tổng diện tích thực hiện các hoạt động trồng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng cấp bản ở các xã mục tiêu được thể hiện trong bảng sau.

● **Nâng cao nhận thức của người dân:** Dự án SNRM hỗ trợ thực hiện các hoạt động truyền thông bằng nhiều cách khác nhau để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm bảo vệ và phát triển rừng.

● **Phân định ranh giới bản và tuyến đường tuần tra:** Để chỉ định khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm bảo vệ và phát triển rừng của mỗi bản, ranh giới giữa các bản được phân định trên cơ sở tham vấn với các bản lân cận (Điện Biên). Ngoài ra, Dự án SNRM hỗ trợ xác định tuyến đường tuần tra cho tổ tuần tra bảo vệ rừng để hỗ trợ quá trình tuần tra rừng.

● **Ưu tiên nguồn lực cho tổ tuần tra bảo vệ rừng:**

+ Chi trả Dịch vụ Môi trường Rừng (PFES) có thể là nguồn tài trợ bền vững cho tuần tra rừng cấp bản. Tại Sơn La, Điện Biên và Lai Châu, Dự án SNRM khuyến khích Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp bản trích một phần tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động quản lý rừng của bản, đặc biệt là cho hoạt động tuần tra.

+ Tại xã mục tiêu của tỉnh Hòa Bình, dù không phải là khu vực được chi trả dịch vụ môi trường rừng, UBND huyện đã bố trí ngân sách hỗ trợ bảo vệ rừng cấp bản (30 triệu đồng năm 2018).

● **Kết quả của việc tuần tra bảo vệ rừng:** diện tích rừng cấp bản thường xuyên được các tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản tuần tra tại mỗi tỉnh. Kể từ năm 2017, các trường hợp vi phạm được phát hiện như lấn chiếm, chăn thả gia súc, khai thác trái phép và cháy rừng đã được báo cáo cho kiểm lâm địa bàn để xử lý.

(Hòa Bình: 10, Sơn La: 7, Điện Biên: 49, Lai Châu: 4)

Diện tích rừng quản lý cấp thôn bản tại các xã mục tiêu

Tỉnh	Trồng rừng (ha)	Khoanh nuôi tái sinh rừng (ha)	Tuần tra bảo vệ rừng (ha)
Hòa Bình	146.4	-	760.9
Sơn La	94.9	295.4	5,349.9
Điện Biên	90.1	130	1,740.6
Lai Châu	2.5	70.4	4,230.5

### 3. Các phát hiện, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

● Cuộc họp hàng tháng của UBND xã với sự tham gia của ban quản lý bản và tổ trưởng hoặc tổ phó tổ tuần tra bảo vệ rừng là cơ hội để báo cáo hiện trạng rừng và hoạt động tuần tra bảo vệ. Hỗ trợ từ bên ngoài, bao gồm Hạt kiểm lâm/ kiểm lâm cấp huyện và Ban quản lý rừng cũng được huy động để tăng cường hoạt động của Tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản, có kết nối với Hệ thống theo dõi diễn biến rừng (FRMS).

● Tham vấn cấp bản là hoạt động rất quan trọng trong việc xây dựng các quy định về bảo vệ và phát triển rừng, nhằm đảm bảo người dân chủ động tuân thủ các quy định.

● Để các thành viên tổ tuần tra bảo vệ rừng tiến hành các hoạt động tuần tra, UBND xã nên khuyến khích Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế bản trích một phần tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động quản lý rừng cấp bản để đảm bảo quỹ có thể trang trải mọi chi phí bảo vệ rừng.



Tập huấn cho tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản tại tỉnh Hòa Bình

● Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng sẽ khuyến khích hoạt động trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng. Diện tích rừng tăng lên sẽ giúp người dân nhận được số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập trang web của JICA Dự án SNRM



Tuần tra bảo vệ rừng ở tỉnh Lai Châu

## [Thành quả 2] THỎA THUẬN QUẢN LÝ HỢP TÁC (CMA) VỚI CƠ CHẾ CHIA SẺ LỢI ÍCH (BSM)

### 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Hiện tại, nhiều hình thái lâm nghiệp xã hội đang tồn tại ở Việt Nam với sự tham gia của các pháp nhân như cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp và hợp tác xã. Một trong những hình thái lâm nghiệp xã hội như vậy là Quản lý hợp tác (CM), đây là một khung bảo vệ/ quản lý rừng bền vững với sự tham gia của các bên liên quan. Trong khuôn khổ dự án JICA trước (2010-2013), "Tăng cường năng lực quản lý dựa vào cộng đồng Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà" (BNBNP), Thỏa thuận CM (CMA) với Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) đã được áp dụng tại Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà (BNBNP). CMA/ BSM sau đó đã được nâng cấp cùng với sự hỗ trợ của Dự án SNRM thuộc khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Bang (DTSQ TG Lang Biang) mới được thành lập nhằm đạt được sự công nhận về bảo tồn và phát triển bền vững.

### 2. Hoạt động

- Xây dựng khái niệm về CMA/ BSM thông qua việc lồng ghép với hoạt động giao/nhận khoán bảo vệ rừng trong khuôn khổ chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES).
- Xây dựng và ký kết CMA cập nhật giữa các bên (chủ rừng, Ủy ban nhân dân xã (UBND) và nhóm người dân tham gia nhận khoán bảo vệ rừng PFES các thôn), theo đó chủ yếu bao gồm ① kế hoạch hoạt động nhằm tăng cường quản lý rừng thông qua nâng cao hiệu quả tuần tra rừng theo thỏa thuận PFES (nhóm PFES), ② BSM thông qua chương trình PFES, và ③ vai trò/ trách nhiệm của từng bên tham gia.
- Cải thiện tuần tra PFES bao gồm ① tái thiết các nhóm tuần tra PFES dựa trên hình thức sử dụng đất; ② phân định ranh giới giữa đất rừng và đất canh tác; và ③ xây dựng/ thực hiện giám sát rừng bằng thiết bị bay không người lái, theo đó cung cấp hình ảnh rõ nét để có thể xác định sớm thay đổi sử dụng đất ở các diện tích rừng mục tiêu (Vui lòng tham khảo nội dung Giám sát rừng bằng thiết bị bay không người lái trong tài liệu này để biết thêm chi tiết).



Phân định ranh giới giữa đất rừng và đất canh tác nông nghiệp

Ngoài những lợi ích từ chương trình PFES, Dự án SNRM cũng hỗ trợ người dân các thôn áp dụng canh tác cà phê bền vững và các loại hoa màu khác có khả năng sinh lời hơn.

### 3. Những phát hiện chính, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

- 80% thành viên tham gia các hoạt động CMA/ BSM đồng thuận rằng các hành vi vi phạm luật lâm nghiệp bao gồm cả lấn chiếm đất rừng ở các lâm phần mục tiêu được kiểm soát hiệu quả. Hơn 90%



Khảo sát kinh tế - xã hội

Cấu trúc lại thành viên Tổ QL BVR giúp hoạt động tuần tra hiệu quả và thuận tiện.



**Ông Cil Ha Chương**

(Tổ trưởng Tổ Quản lý Bảo vệ Rừng tại VQG Bidoup - Núi Bà)

các thành viên mong muốn các hoạt động CMA/ BSM sẽ được tiếp tục/ nhân rộng.

- Một số bài học kinh nghiệm được đúc rút trong quá trình thực hiện CMA/ BSM bao gồm:

+ Sự hợp tác chặt chẽ giữa các UBND xã, chủ rừng và các bên liên quan chính là chìa khóa cho sự thành công của CMA/ BSM. Ngoài ra sự hỗ trợ của UBND các huyện đóng vai trò quan trọng nhằm tăng cường hiệu quả của CMA/ BSM.

+ Cần có cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng để nâng cao

tính hiệu quả của hoạt động tuần tra PFES.

+ Được xây dựng như một công cụ chính thức của BQL khu DTSQ TG Lang Biang nhằm thảo luận các vấn đề của địa phương đồng thời tìm kiếm/ thực hiện các giải pháp cho các bên tham gia bao gồm cả người dân các thôn. Diễn đàn quản lý hợp tác (CMP) đóng vai trò chủ chốt trong việc thừa nhận CMA/ BSM.

+ Các hoạt động CMA/ BSM thực sự rất hiệu quả tại các khu vực tồn tại những rủi ro cao về vi phạm lâm luật.

## [Thành quả 3] HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

### 1. Bối cảnh và mục tiêu

Để tăng độ che phủ rừng, tăng cường quản lý rừng và tạo thu nhập bền vững cho người dân, Dự án SNRM đã tiến hành trồng rừng với sự tham gia của người dân, bao gồm trồng hỗn giao các loài bản địa và keo tai tượng, trồng cây phù hợp với điều kiện sinh thái (thông mã vĩ), và trồng cây ăn quả và trồng cỏ trên đất dốc. Dự án SNRM hỗ trợ thành lập Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn bản cũng như xây dựng quy chế quản lý rừng thôn bản. Tất cả các hoạt động đã được thực hiện thông qua Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn bản.

### 2. Hoạt động và kết quả

#### Trồng thông

Trồng thông (*Pinus mesonaa*) được thực hiện trên diện tích 94,9 ha (25% là đất cộng đồng bản, 75% đất đã giao cho các hộ gia đình) tại bốn bản (Xa, Co Lú, Huổi Tèo và Khóp) của xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Tỷ lệ cây sống là 99% và chiều cao trung bình đạt 165 cm sau hai năm (tính đến tháng 3 năm 2019).

#### Trồng hỗn giao các loài bản địa với cây keo tai tượng

Để đa dạng hóa việc trồng rừng thuần loài và kéo dài chu kỳ trồng rừng cho giá trị sản phẩm cao hơn, các loài cây bản địa đã được trồng hỗn giao với keo tai tượng (tổng cộng 146,4 ha, trong đó 123,8 ha có 20-30% cây bản địa được trồng hỗn giao với cây keo tai tượng và 22,6 ha chỉ trồng các loài bản địa, với tổng số 189 hộ ở 13 xóm tham gia) ở xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Cây giống các loài bản địa được cung cấp miễn phí cho người dân trồng rừng. Qua khảo sát cho thấy Xoan ta (*Melia azedarach*), Giổi (*Michelia mediocris*, vừa lấy gỗ vừa cho quả, cây thực sinh), Trám trắng (*Canarium album*, vừa lấy gỗ vừa cho quả) có sự sinh trưởng tốt.

#### Mô hình canh tác nông lâm kết hợp: Trồng cây ăn quả / trồng cỏ trên đất dốc

Để tạo thu nhập bền vững thông qua trồng cây ăn quả chuyển đổi từ canh tác nương rẫy và giảm



Giổi xanh (*Michelia mediocris*) sau 3 năm trồng, cây keo cung cấp bóng mát đã được khai thác, xã Thanh Hối, tỉnh Hòa Bình (3/2020)

xói mòn đất bằng cách trồng các băng cỏ phục vụ mục đích chăn nuôi. Mô hình nông lâm kết hợp trồng cỏ và cây ăn quả trên đường đồng mức đã được giới thiệu cho người dân triển khai trồng trên đất dốc ở xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Các giống cây như xoài, sơn tra (*Docynia indica*), vải thiều, cà phê, nhãn và mận được trồng trên đường đồng mức xen với các loại cây trồng hàng năm (ngô, sắn và lạc). Cỏ Ghinea được trồng thành hai hàng dọc theo các hàng cây ăn quả (70 hộ gia đình, 19,9 ha).

### 3. Các phát hiện, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

#### Trồng thông

So với mô hình trồng rừng khác được triển khai

cùng thời điểm gần đó, mô hình trồng rừng của Dự án SNRM cho thấy tỷ lệ cây sống cao hơn (99% so với 86%) và cây sinh trưởng, phát triển tốt hơn, đồng đều hơn. Việc lập kế hoạch có sự tham gia của người dân và hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ (kiểm tra cây giống, hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, chỉ việc trên thực địa, hỗ trợ, giám sát chặt chẽ quá trình chăm sóc cây) đã cải thiện hiệu quả và kết quả trồng rừng.

#### Trồng hỗn giao với các loài bản địa với cây keo tai tượng

Các loài bản địa (ví dụ xoan ta, trám trắng, giổi) có thể được trồng ở một số vùng trồng keo nhưng cần có kế hoạch tốt vì chúng cần được chăm sóc nhiều hơn và chu kỳ sản xuất gỗ dài hơn. Những loài này đa dạng hóa sản phẩm với lâm sản ngoài

gỗ trong trường hợp của cây Trám trắng và cây Giổi, có lợi hơn về lâu dài và tốt cho môi trường (bảo vệ nguồn nước và trữ lượng carbon).

#### Mô hình canh tác nông lâm kết hợp: Trồng cây ăn quả/ trồng cỏ trên đất dốc

Mô hình này dự kiến sẽ mang lại thu nhập tốt cho người dân: 33 triệu đồng năm/hộ (94% thu nhập trung bình/hộ) từ mô hình xoài/ nhãn (235 cây/ha mỗi loại 50%, 0,2ha/hộ) và 60 triệu đồng (200%) từ mô hình sơn tra ghép (294 cây/ha, 0,8ha/hộ) vào năm thứ 5, tức năm 2022.

Cỏ là nguồn thức ăn chăn nuôi cho trâu, bò và giúp ngăn xói mòn đất góp phần bảo vệ lưu vực sông Đà. Mô hình này trung bình đáp ứng 7,7% nhu cầu thức ăn chăn nuôi của mỗi hộ gia đình.





Kiểm tra và giám sát chất lượng cây giống tại vườn ươm trước khi phát cho người dân ở các bản tại tỉnh Sơn La (8/2017)



Trồng xoài/nhãn 3 năm tuổi ở bản Cút, xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La (3/2020)



Tập huấn với khung chữ A để trồng cây trên đường đồng mức, xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La (6/2017)



Phụ nữ dân tộc Thái đang thực hành chăm sóc cây nhãn ở bản Cút, xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La (12/2018)

Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập trang web của JICA Dự án SNRM



*Trước khi có Dự án SNRM, UBND xã loay hoay tìm kiếm hướng đi cho sản xuất nông nghiệp bền vững trên diện tích đất dốc. Các mô hình trình diễn của Dự án SNRM được định hướng chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã nói chung và ngành nông lâm nghiệp nói riêng.*



**Ông Hoàng Văn Học**

(Chủ tịch UBND xã Mường Giôn, kiêm trưởng nhóm hỗ trợ thúc đẩy Dự án SNRM)

# Chương 02



## Phát triển sinh kế

Tại Việt Nam, đa phần người dân phụ thuộc vào rừng đều đang sinh sống ở khu vực miền núi. Các hoạt động phát triển sinh kế chính là giải pháp giảm nghèo và giảm tác động tiêu cực đối với tài nguyên thiên nhiên.

## [Thành quả 1] XÚC TIẾN TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ TIẾP THỊ SẢN PHẨM



Tập huấn về kỹ thuật nuôi ong (Hòa Bình)

### 1. Bối cảnh và mục tiêu

Ở các xã thí điểm, Dự án SNRM đã hỗ trợ người dân địa phương trong khâu tiếp thị sản phẩm của các hoạt động sinh kế, vốn không được chú trọng trong những hoạt động này.

Ngoài ra, dự án cũng tổ chức các hộ tham gia theo nhóm để đảm bảo tính định hướng thị trường. Theo đó, các hộ tham gia được tổ chức thành nhiều nhóm sở thích hoặc nhóm hộ sản xuất để hạn chế tình trạng sản xuất/tiếp thị quy mô nhỏ lẻ, phân tán.

### 2. Hoạt động và kết quả

Trong số một số hoạt động cải thiện sinh kế của Dự án SNRM, người dân đã được hỗ trợ thực hiện và tiếp thị sản phẩm đặc biệt ở hai mô hình dưới đây:

#### ● Nuôi ong ở tỉnh Hòa Bình và Điện Biên

+ Ba nhóm sở thích (82 thành viên) ở Hòa Bình và tám nhóm sở thích (40 thành viên) ở Điện Biên được tổ chức thành lập;

+ Các thành viên nhóm sở thích được hỗ trợ khi thành lập quỹ nhóm của họ [Hòa Bình];

+ Dự án hỗ trợ tiếp thị sản phẩm mật ong cho các nhóm sở thích bằng cách tổ chức các chuyến tham quan học tập, cung cấp chai đựng và nhãn sản phẩm, kết nối với các khách hàng tiềm năng, hỗ trợ nộp đơn kiểm định chất lượng sản phẩm, gắn kết với mục tiêu Chương trình mỗi xã một sản phẩm, v.v.;

+ Thu nhập trung bình từ hoạt động nuôi ong của các thành viên nhóm sở thích đã tăng lên, trong đó thu nhập của một hộ nuôi ong thành công đạt 72 triệu đồng/năm trong năm 2018.

#### ● Trồng dưa hấu và trồng rau ở tỉnh Lai Châu

+ Thành lập 4 tổ hợp tác: 3 tổ hợp tác trồng dưa hấu gồm 46 hộ gia đình tại hai bản và 1 tổ hợp tác trồng rau gồm 16 hộ tham gia;

+ Các tổ hợp tác được Dự án SNRM hỗ trợ xác nhận chính thức với Ủy ban nhân dân xã;

+ Các tổ hợp tác được hỗ trợ trong hoạt động tiếp thị sản phẩm; ví dụ: thiết kế nhãn dán trên quả dưa hấu, xây dựng các điểm bán hàng ven đường và chuẩn bị các biển giới thiệu bán sản phẩm;

+ Dự án SNRM kết nối người dân với các cơ quan, tổ chức khác nhau, ví dụ: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp để tăng cường sản xuất, bán hàng và cơ cấu tổ chức;

+ Các hộ tham gia dự án đều đạt năng suất và thu nhập cao hơn so với mức trung bình;

+ Thu nhập ròng từ mô hình dưa hấu đạt khoảng 15 triệu đồng/1.000 m<sup>2</sup>, cao hơn khoảng 5 lần so với những hộ không tham gia Dự án SNRM.

### 3. Các phát hiện, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

● Thúc đẩy sản xuất và tiếp thị sản phẩm thông qua mô hình nhóm hộ tham gia hoặc hộ sản xuất

+ Thành lập các nhóm sở thích, như trường hợp thành lập Quỹ Nhóm nuôi ong ở Hòa Bình, nhằm tăng cường năng lực tài chính;

+ Việc xây dựng các nhóm sở thích và nhóm hộ sản xuất có thể thúc đẩy sản xuất, tiếp thị sản phẩm



Chai và nhãn mật ong (Điện Biên)

cũng như tăng cường giám sát tình hình thực hiện chung của các hoạt động, bao gồm năng suất, doanh số, chi phí, thu nhập, tồn tại, hạn chế.

● Đảm bảo chất lượng sản phẩm để nâng cao giá trị gia tăng

+ Các sản phẩm giá trị gia tăng, ví dụ mật ong tách nước, mật ong đóng chai tiêu chuẩn và gắn nhãn, dưa hấu sạch nhờ sử dụng ít thuốc trừ sâu và được gắn nhãn khi tiêu thụ; nhận được nhiều ý kiến tích cực từ khách hàng và giá của hầu hết các

sản phẩm đều cao hơn so với giá thị trường;

+ Việc đăng ký nhóm sản xuất chính thức có thể nâng cao giá trị của sản phẩm vì khách hàng có xu hướng tin tưởng nhiều hơn vào chất lượng những sản phẩm này.

● Tăng cường cơ hội bán hàng

+ Các điểm bán hàng bên đường có quy mô khá nhỏ, thiết kế đơn giản nhưng có thể thu hút nhiều khách hàng chủ yếu nhờ vị trí thuận lợi và biển hiệu quảng cáo;

+ Mạng xã hội có thể là một công cụ tiếp thị hiệu quả, như trường hợp một số hộ trồng dưa hấu và hội viên Hội Nông dân xã ở tỉnh Lai Châu đã quảng bá sản phẩm của họ thông qua Facebook.





Cửa hàng bán dưa hầu bên lề đường (Lai Châu)



Nhãn dán trên dưa hầu (Lai Châu)

Để biết thêm chi tiết,  
vui lòng truy cập trang web của JICA  
Dự án SNRM



Thu nhập của chúng tôi từ trồng dưa hầu hiện cao gấp 6 lần thu nhập từ lúa, cảm ơn sự giúp đỡ của Dự án.

**Chị Lò Thị Tình**

(Thành viên của  
Tổ Hợp Tác Dưa hầu  
Nậm Bon 2)



## [Thành quả 2] CẢI THIỆN SINH KẾ THÔNG QUA DIỄN ĐÀN QUẢN LÝ HỢP TÁC (mô hình nấm hương Shiitake)

### 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Hầu hết đồng bào các thôn mục tiêu sống phụ thuộc vào canh tác cà phê với lợi nhuận thấp, do vậy đa dạng hóa loại hình canh tác được đánh giá là lợi ích thiết thực cho những người dân các thôn tham gia vào các hoạt động bảo tồn rừng. Nấm hương Shiitake đã được lựa chọn là mô hình nông nghiệp phù hợp bởi khả năng sinh lời ổn định cũng như bản chất thân thiện với hệ sinh thái của nó vốn dĩ tương thích với Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (DTSQ TG Lang Biang) với diện tích hạn chế cho hoạt động sản xuất. Sau khi thiết lập thành công mô hình trồng nấm hương Shiitake ở quy mô nhỏ, mô hình đã được nhân rộng thông qua Diễn đàn quản lý hợp tác (CMP), theo đó chính thức được Ban quản lý khu DTSQ TG Lang Biang thiết lập thông qua quyết định (Số 199/QĐ-BQL) ban hành tháng 1/ 2018, đây là công cụ để thảo luận các vấn đề của địa phương đồng thời tìm kiếm/ thực thi các giải pháp giữa các bên liên quan bao gồm cả người dân các thôn.

### 2. Hoạt động

● **Thử nghiệm và nhân rộng mô hình sản xuất nấm hương Shiitake thông qua CMP**

+ Xác thực khả năng sinh lời đầy đủ trong mô hình sản xuất nấm hương Shiitake (Mô hình) và khả năng thu hồi đầu tư nhanh thông qua sản xuất thử nghiệm với 2 hộ gia đình có khả năng tài chính đáp ứng xây dựng nhà nấm. Sự tham gia tự nguyện của một số hộ dân các thôn trong mô hình này chủ yếu quan tâm tới khả năng sinh lời của nó.

+ Tổ chức Diễn đàn CMP vào tháng 5/ 2019 để thảo luận việc nhân rộng mô hình với sự tham gia của các bên liên quan như người dân các thôn, các sở ban ngành và tổ chức cấp tỉnh, doanh nghiệp tư nhân, hệ quả là một thỏa thuận thúc đẩy vai trò và trách nhiệm của các bên trong việc mở rộng mô hình.



Diễn đàn Quản lý hợp tác - CMP

+ Triển khai các hoạt động hợp tác giữa các bên liên quan dựa vào thỏa thuận nêu trên. Các hoạt động chủ yếu do các bên liên quan thực hiện cụ thể như sau: Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp phôi nấm và tập huấn về các kỹ thuật sản xuất, UBND huyện cung cấp trang thiết bị và phôi nấm, doanh nghiệp cung cấp kỹ thuật trồng/ khai thác, bao tiêu sản phẩm từ mô hình, xây dựng chuỗi cung ứng, người dân các thôn xây dựng nhà nấm, và Dự án SNRM hỗ trợ cơ hội tham quan học tập/ thiết bị và quy trình chứng nhận VietGAP....

● **Cải tiến sản xuất nấm với thiết bị**

Cung cấp hướng dẫn về kiểm soát độ ẩm sử dụng thiết bị ở trên bởi độ ẩm ảnh hưởng đáng kể tới năng suất/ chất lượng của nấm hương Shiitake.

● **Mở rộng năng lực sản xuất phôi nấm hương Shiitake theo cách hợp tác**

Sự phối hợp giữa doanh nghiệp và UBND huyện trong việc mở rộng năng lực sản xuất phôi nấm thông qua việc cung cấp cho doanh nghiệp quyền sử dụng đất của khu vực phụ cận sản xuất phôi nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng Mô hình.

**3. Những bài học kinh nghiệm và khuyến nghị**

● **CMP là một công cụ hiệu quả trong việc nhân rộng mô hình sinh kế quy mô nhỏ**

Mô hình đã được nhân rộng thông qua các hoạt động hợp tác giữa các bên nhằm gia tăng lợi ích với năng suất/ chất lượng nấm được cải thiện đối với người dân các thôn, theo đó rõ ràng tạo ra những tác động tích cực về sinh kế trong khuôn khổ khu DTSQ TG Lang Biang. Do vậy, CMP thực sự rất hiệu quả cho việc nhân rộng các hoạt động hữu ích này.



Lắp đặt máy tạo độ ẩm trong nhà nấm



Thu hoạch nấm hương Shiitake

● **Lựa chọn loài cây trồng trên cơ sở tính phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương và khả năng thu hồi đầu tư nhanh**

Loài cây trồng phù hợp với khí hậu địa phương có năng suất và cạnh tranh cao hơn. Và nấm là một loại cây trồng có khả năng phục hồi nhanh chóng khoản đầu tư khi vụ thu hoạch bắt đầu từ 10 ngày sau khi lắp đặt phương tiện với khoản thanh toán

trở lại bắt đầu vào tháng kế tiếp. Do đó, đầu tư vào xây dựng nhà nấm có thể được hoàn trả trong vài tháng. Vì vậy, các bên đều thấy rằng các loại cây trồng nên được lựa chọn về mặt phù hợp với khí hậu và thu hồi vốn đầu tư nhanh. Ngoài ra, việc sản xuất nấm có thể tạo cơ hội giảm sự phụ thuộc của dân làng vào các khoản vay lãi suất cao được cung cấp bởi các cửa hàng / tư thương địa phương.

## [Thành quả 3] THỨC ĐẨY CANH TÁC CÀ PHÊ BỀN VỮNG

### 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Đảm bảo lợi ích cho người dân trong các hoạt động bảo tồn là một trong những mục tiêu chính khi xây dựng Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA). Kết quả khảo sát tại các thôn mục tiêu cho thấy, dù là nguồn thu nhập quan trọng nhất của người dân trong khu vực, hoạt động trồng cà phê không phải khi nào cũng mang lại lợi nhuận do chi phí đầu vào lớn và năng suất thấp. Do đó, Dự án SNRM đã áp dụng một số giải pháp như dưới đây để thúc đẩy canh tác cà phê bền vững:

1) Hạn chế tối đa việc sử dụng phân hóa học bằng cách hỗ trợ người dân làm/sử dụng phân hữu cơ bằng các nguyên liệu sẵn có để giảm thiểu chi phí đầu vào (phân hóa học chiếm 40% tổng chi phí theo kết quả khảo sát), đồng thời cải thiện độ phì nhiêu của đất để tăng năng suất trồng cà phê.

2) Tăng cường hợp tác giữa người dân và doanh nghiệp chế biến cà phê.

### 2. Hoạt động

#### ● Phân tích, đánh giá độ phì nhiêu của đất

Hợp tác với một nhóm nghiên cứu từ một trường đại học tại Nhật Bản, Dự án đã tiến hành phân tích chất lượng đất để đối sánh độ phì nhiêu giữa các loại đất khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy, đất canh tác cà phê có độ phì thấp.

#### ● Sản xuất phân hữu cơ để sử dụng trong canh tác cà phê bền vững

Dự án đã tổ chức các khóa tập huấn về làm/sử dụng phân hữu cơ cho những hộ gia đình tiềm năng để thúc đẩy canh tác cà phê bền vững tại KDTSQ Lang-Biang, cụ thể như sau.



Tập huấn về ủ phân



Cải tạo chuồng bò

+ Tổ chức nhiều lớp tập huấn cho những hộ gia đình tiềm năng về kỹ thuật làm phân hữu cơ từ phân chuồng và hướng dẫn cách bón phân trong trồng cà phê;

+ Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức các khóa tập huấn cho các hộ gia đình tiềm năng về cách làm phân hữu cơ từ vỏ cà phê để hạn chế gây ô nhiễm;

+ Đảm bảo doanh nghiệp chế biến cà phê cung cấp vỏ cà phê liên tục cho người dân địa phương, đồng thời khuyến khích tái sử dụng giá thể nấm hương trong sản xuất phân hữu cơ.

+ Xây dựng chuồng bò cải tiến cho các hộ dân tham gia tuần tra rừng để giảm khối lượng công việc dọn dẹp phân chuồng và mức độ ô nhiễm.

#### ● Tăng cường hợp tác giữa người dân và doanh nghiệp chế biến cà phê

+ Dự án SNRM hỗ trợ tăng cường hợp tác giữa một công ty chế biến cà phê tư nhân với các thành viên nhóm tuần tra rừng (người dân) và UBND xã để đảm bảo lợi nhuận trong canh tác cà phê. Kết quả, người dân bán cà phê trực tiếp cho doanh nghiệp với giá cao hơn. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng dự

định thiết lập diện tích trồng cà phê của chính họ để tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

### 3. Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

● Sau khi hiểu rõ lợi ích của phân hữu cơ như giảm chi phí, tăng độ phì đất, tăng năng suất cây trồng và giảm tác động môi trường, nhiều hộ dân đã hạn chế tối đa việc sử dụng phân hóa học và thay thế bằng phân bón hữu cơ.

● Các hộ gia đình tiềm năng phải được hướng dẫn thực tế để đảm bảo hiệu quả tập huấn và mở rộng phạm vi chia sẻ kinh nghiệm.



Thu hoạch cà phê

*Tôi đã học cách ủ phân hữu cơ thông qua các lớp tập huấn của Dự án và chia sẻ kỹ năng của mình với bà con. Phương pháp này giúp cải thiện chất lượng và sản lượng cà phê.*



**Ông Kơ Sa Ha Dang**

(Thôn Đa Ra Hoa, xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương)

## [Thành quả 4] MỞ RỘNG QUY MÔ SỬ DỤNG BẾP ĐUN CẢI TIẾN

### 1. Bối cảnh và mục tiêu

Ở các tỉnh Tây Bắc, nhiều hộ dân sử dụng củi làm nguồn nguyên liệu chính để nấu ăn và sưởi ấm. Củi là một trong những nguồn năng lượng tái tạo, tuy nhiên, việc sử dụng quá mức có thể dẫn đến suy thoái rừng, cũng như tốn thời gian đi lấy củi, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em. Dựa trên các giải pháp thúc đẩy bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng được đề xuất trong Kế hoạch hành động REDD + cấp tỉnh, Dự án SNRM đã hỗ trợ nhân rộng mô hình bếp đun cải tiến tại các xã thí điểm nhằm giảm áp lực lên rừng, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn củi đốt, quản lý rừng bền vững cấp thôn/bản, nâng cao điều kiện sức khỏe cũng như tạo điều kiện giáo dục và giảm sức lao động cho phụ nữ và trẻ em.

### 2. Hoạt động và kết quả đầu ra

● Tại tỉnh Sơn La, Dự án đã tiến hành khảo sát các loại bếp đun cải tiến được sử dụng tại thị trường địa phương và thực trạng sử dụng củi, bếp đun truyền thống để nấu ăn ở xã Mường Giôn. Dựa trên kết quả khảo sát, Dự án đã tổ chức hội thảo tham vấn để đánh giá các mô hình bếp đun cải tiến hiện có với cộng đồng thuộc ba nhóm dân tộc (Thái,

Khang và H'mong) và quyết định mô hình phù hợp nhất với người dân.

● Dự án SNRM hỗ trợ làm khuôn bếp, tập huấn kỹ thuật về phương pháp làm bếp và các vật liệu cần thiết. Mỗi hộ gia đình tham gia đóng góp 50% chi phí nguyên vật liệu vào quỹ bản.

● Dự án SNRM tổ chức 13 lớp tập huấn kỹ thuật cho 618 hộ gia đình, trong đó phụ nữ chiếm 30%, và hỗ trợ trực tiếp cho 579 hộ. Kể từ tháng 3 năm 2020, đã có 774 hộ gia đình làm theo và đang sử dụng mô hình bếp đun cải tiến mới, bao gồm 195 hộ gia đình không tham gia Dự án cả trong và ngoài các bản mục tiêu..

● Tại tỉnh Điện Biên, Dự án SNRM đã hỗ trợ 198 bếp Lào cho 189 hộ gia đình tại 13 bản mục tiêu, đây là mô hình bếp đun tương tự đã được hỗ trợ bởi Dự án SUSFORM-NOW – một dự án trước đây do JICA tài trợ. Kết quả khảo sát cho thấy, các hộ tham gia có thể tiết kiệm được 1/3 lượng củi đun dùng trong nấu ăn thông thường; tuy nhiên, bếp Lào có kích



Bếp đun cải tiến mới được thiết kế tại tỉnh Sơn La



Tập huấn kỹ thuật làm bếp đun cải tiến (Sơn La)

cỡ khá nhỏ để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng củi đun của người dân. Trên cơ sở đó, Dự án SNRM đã nhân rộng mô hình bếp đun cải tiến cỡ lớn đã được giới thiệu tại tỉnh Sơn La.

● Dự án SNRM đã chuẩn bị khuôn bếp và hỗ trợ 90 bếp đun cải tiến cho 10 bản. Tính đến tháng 1 năm 2020, ngoài 90 hộ gia đình được Dự án SNRM hỗ trợ, 91 hộ gia đình khác đã tự làm bếp và chia sẻ rộng rãi hơn mô hình này trên địa bàn xã.

● Bên cạnh đó ở tỉnh Hòa Bình, Dự án SNRM đã hỗ trợ tự làm bếp đun cải tiến (bếp cố định với hai ngăn đun nấu) và bếp đúc sẵn (bếp di động với một ngăn đun) cho 1.053 hộ gia đình (tổng cộng 2.189 bếp), chiếm 97,7% số hộ gia đình ở 13 bản tại xã thí điểm. Tất cả các hộ này đã đóng góp 50% giá trị bếp vào quỹ bản. Căn cứ vào kết quả khảo sát, bếp đun cải tiến giúp tiết kiệm 40 - 60% lượng củi đun so với bếp đun truyền thống.



Bếp truyền thống sử dụng nhiều củi hơn

### 3. Các phát hiện, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

- Dự án SNRM không cung cấp bếp đun cải tiến trực tiếp cho các hộ gia đình, mà chỉ cung cấp cho họ bộ dụng cụ tự làm và đầu vào kỹ thuật. Cách tiếp cận này đã nâng cao năng lực của người dân cũng như những cán bộ hỗ trợ chủ chốt tại địa phương để mở rộng và đảm bảo chất lượng mô hình này.

- Nên sử dụng khuôn bếp với nhiều kích thước khác nhau để đáp ứng đa dạng nhu cầu của người sử dụng. Dự án SNRM đã hỗ trợ làm bếp đun cải tiến có kích cỡ lớn hơn để phục vụ nhu cầu nấu thức ăn chăn nuôi và nấu rượu. Người dân cũng đã tự làm bếp theo kích cỡ mà họ mong muốn (Sơn La).

- Bếp đun cải tiến không phù hợp ở những khu vực mà người dân không sử dụng củi đun làm nhiên liệu chính. Ở xã mục tiêu Lai Châu, nhiều hộ gia đình đang dần sử dụng gas để nấu ăn và nhu cầu về bếp đun cải tiến không cao. Tuy nhiên, với những cộng đồng gặp khó khăn trong thu lượm củi đun tại tỉnh Điện Biên, mô hình này mang ý nghĩa thiết thực lớn hơn.

**Để biết thêm chi tiết,  
vui lòng truy cập trang web của JICA  
Dự án SNRM**



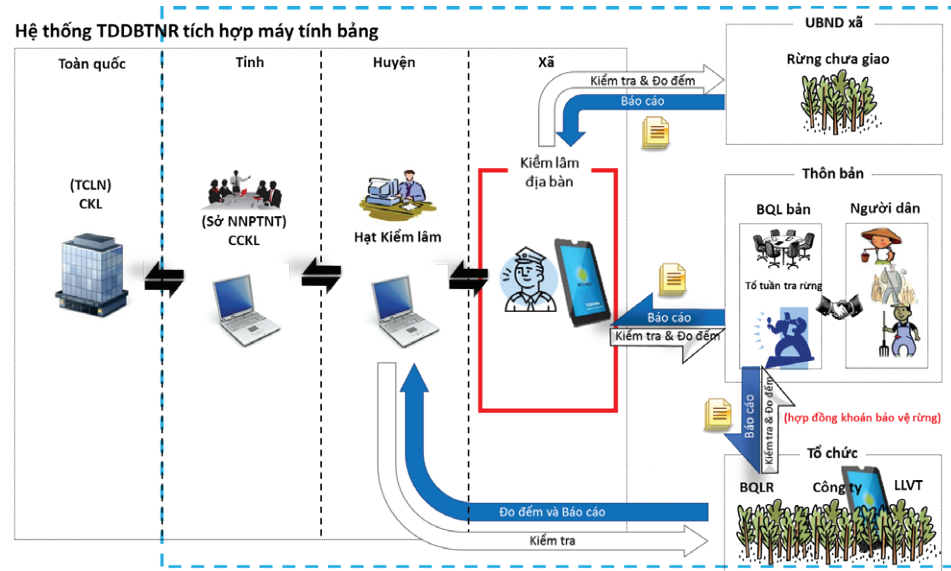
Bếp đun cải tiến mới để nấu ăn ở Điện Biên (bên trái, so với hình ảnh bếp Lào ở bên phải)



# Theo dõi diễn biến rừng

Trong nhiều năm gần đây, Việt Nam ghi nhận những biến động lớn trong diện tích rừng. Xây dựng hệ thống theo dõi diễn biến rừng để sử dụng và hiệu quả là tiền đề hỗ trợ cập nhật số liệu hiện trạng rừng trên toàn quốc.

# [Thành quả 1] HỆ THỐNG THEO DÕI DIỄN BIẾN TÀI NGUYÊN RỪNG (sử dụng Ứng dụng di động trên máy tính bảng và Ứng dụng Phát hiện biến động rừng)



Cấu trúc chung của Hệ thống TDDBR

## 1. Bối cảnh và Mục đích

Dự án SNRM do JICA tài trợ đã cải tiến các công cụ công nghệ thông tin trong theo dõi diễn biến rừng được phát triển trong giai đoạn Dự án Quản lý bền vững rừng đầu nguồn vùng Tây Bắc (SUSFORM-NOW) của JICA trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ năm 2010 đến năm 2015.

Công cụ thu thập dữ liệu trên máy tính bảng cung cấp một giải pháp đa năng cho người dùng. Ứng dụng FRMS Mobile (sử dụng trong Hệ thống Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng) chạy trên máy tính bảng với bản đồ nền dạng số để dễ dàng định vị ngoài thực địa, chức năng GPS để đo đếm diện tích biến động, máy ảnh số có GPS để ghi lại bằng chứng thực địa, phiếu khảo sát dạng số để nhập số liệu và hỗ trợ việc báo cáo trực tiếp từ thực địa đến người quản lý. Cùng với Ứng dụng Di động, Dự án SNRM cũng phát triển và cung cấp một ứng dụng phát hiện biến động rừng sử dụng ảnh vệ tinh, áp dụng công nghệ điện toán đám mây, có thể theo dõi diễn biến rừng gần với thời gian thực. Sự kết hợp vận hành các công cụ này đưa công nghệ số

vào đo đếm diễn biến rừng thay cho giải pháp ước tính trước đây.

## 2. Các hoạt động và thành quả

Phối hợp với Cục Kiểm lâm thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, Dự án SNRM đã tổ chức và giám sát, theo dõi các lớp tập huấn về sử dụng máy tính bảng và Ứng dụng Di động cho công chức kiểm lâm các cấp, từ cấp trung ương đến cấp cơ sở. Tổng cộng, 259 lớp tập huấn đã được tổ chức với 2.886 lượt công chức kiểm lâm tham gia. Dữ liệu thực địa về diễn biến rừng được đo đếm và báo cáo bằng Ứng dụng Di động và máy tính bảng được gửi lên và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu trung tâm Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng, là cơ sở dữ liệu quốc gia chính thức về rừng ở Việt Nam.

Đến nay, sáng kiến này của Dự án SNRM đã và đang được vận hành tại 16 tỉnh bao gồm Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Lào Cai, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Thuận và Cà Mau với sự phối hợp của các dự án

khác như VFD/USAID, GA/USAID, UN-REDD2/FAO và FCPF/WB.

Kết quả, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 đã nêu rõ, dữ liệu thực địa được đo đếm và báo cáo bằng Ứng dụng Di động trên máy tính bảng là một trong những nguồn dữ liệu chủ yếu để cập nhật vào Hệ thống TDDBR. Ngoài ra, ứng dụng phát hiện diện tích có thể có biến động rừng sử dụng ảnh vệ tinh đã và đang được vận hành chính thức tại <http://canhbaomatrung.kiemlam.org.vn> và dữ liệu từ ứng dụng này đang được kiểm lâm các cấp sử dụng rộng rãi để giám sát các hoạt động của Hệ thống TDDBR.



Theo dõi diễn biến rừng sử dụng Ứng dụng Di động trên máy tính bảng

## 3. Phát hiện, Bài học kinh nghiệm và Khuyến nghị

Ngành lâm nghiệp đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế đồng thời giữ vai trò then chốt trong giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Do đó, việc đảm bảo sự chính xác, ổn định và chắc chắn của dữ liệu diễn biến rừng là vấn đề rất quan trọng.

Thực tế chứng minh rằng các sáng kiến của Dự án SNRM rất hữu dụng và hiệu quả đối với cả các nhà quản lý và kiểm lâm địa bàn nhằm giảm thiểu chi phí đo đếm và báo cáo diễn biến rừng trong khi

nâng cao được chất lượng theo dõi diễn biến rừng hàng năm. Tuy nhiên, sự thành công tiếp theo sẽ còn phụ thuộc vào sự chủ động và quản trị của các nhà quản lý ở cấp trung ương và cấp tỉnh.

Khuyến nghị xem xét ban hành quy định chi tiết vận hành Hệ thống TDDBR có bao gồm các sáng kiến công nghệ của Dự án SNRM, đồng thời xem xét sắp xếp các nguồn lực phù hợp về quản lý vận hành Hệ thống cũng như nâng cao nhận thức cho công chức kiểm lâm các cấp trong theo dõi diễn biến rừng.



Ứng dụng phát hiện biến động rừng với Google Earth Engine



## [Thành quả 2] GIÁM SÁT RỪNG BẰNG THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI



Kiểm lâm viên vận hành thiết bị bay không người lái

### 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Vì vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (KDTSQ Lang Biang) ở tỉnh Lâm Đồng có hệ sinh thái rừng giàu với độ đa dạng sinh học cao, diện tích rừng đã liên tục suy giảm/ suy thoái trong những thập kỷ qua do một vài yếu tố bao gồm chuyển đổi trái phép rừng sang sử dụng vì mục đích nông nghiệp (lấn chiếm), được xem là một trong những vấn đề trọng yếu cần đối mặt. Mặc dù các chủ rừng chủ động thường xuyên thực hiện tuần tra hoặc tham gia các nhóm tuần tra với thành phần là người dân thôn bản trên cơ sở các hợp đồng giao khoán trong chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES), tính hiệu quả thực sự chưa cao. Nhằm tăng cường hơn nữa các hoạt động trong điều kiện hạn chế về nhân lực và tài chính, Dự án SNRM đã giới thiệu hệ thống giám sát sử dụng thiết bị bay không người lái cho Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà (BQL VQG BNNBP), Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa

Nhim (BQL rừng Đa Nhim) đảm trách công tác bảo tồn của KDTSQ Lang-Biang với những mục tiêu ban đầu như sau:

- + Phát hiện sớm những thay đổi về tài nguyên rừng
- + Huy động hiệu quả và đầy đủ nhân lực tham gia các hoạt động tuần tra
- + Cải thiện tính chính xác trong đánh giá hiệu quả hoạt động hợp đồng PFES

### 2. Các hoạt động được hỗ trợ

Các hoạt động hỗ trợ dưới đây đã được thực thi nhằm giới thiệu hệ thống giám sát sử dụng thiết bị bay không người lái cho các chủ rừng.

- Xác định thiết bị phù hợp với các mục tiêu trên thông qua nghiên cứu khả thi cùng với VQG BNNBP và BQL rừng Đa Nhim, tên cụ thể, thiết bị bay không người lái (DJI Phantom 4 Pro)/ ứng dụng bay tự động (Litchi)/ phần mềm chụp ảnh (Pix4DMapper

Pro)/ máy tính bảng (iPad mini)/ máy tính xách tay (khuyến nghị: CORE i7 (4 core), RAM 16GB) và các thiết bị khác.

- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về thiết kế tổng thể và một loạt các khoá tập huấn chuyển giao cũng như các hoạt động triển khai tiếp theo nhằm tăng cường năng lực cần thiết về vận hành thiết bị bay và sử dụng hình ảnh cho các cán bộ kỹ thuật và kiểm lâm viên.

- Xây dựng dự thảo qui định về cách vận hành và quản lý thiết bị

- Xây dựng một số tay toàn diện giám sát sử dụng thiết bị bay không người lái dựa trên quá trình vận hành thiết bị ngoài hiện trường theo đường dẫn tại trang web Dự án SNRM (<https://www.jica.go.jp/project/english/vietnam/037/materials/index.html>).

- Chia sẻ thông tin với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng PFES tỉnh Lâm Đồng và các vườn quốc gia khác như Phong Nha - Kẻ Bàng và Bạch Mã để dự toán ngân sách mua sắm thiết bị và vận hành.

### 3. Những phát hiện chính và Khuyến nghị

- Kể từ tháng 6/ 2018, sau khi thiết bị được chuyển giao, VQG BNNBP và BQL rừng Đa Nhim đã thường

xuyên sử dụng các thiết bị bay không người lái, theo đó xác định nhanh chóng việc lấn chiếm trong khu vực mà trước đây rất khó phát hiện. Công cụ này đã được sử dụng trong việc đánh giá việc thực hiện các hợp đồng PFES với độ chính xác cao, đây là nguồn dữ liệu tin cậy và được ứng dụng trong các hoạt động phục hồi rừng (lập kế hoạch và giám sát). Theo đó, công cụ này cho thấy tính hiệu quả đối với các hoạt động bảo tồn rừng với các mục đích khác nhau.

- Với những đặc tính hiện tại của DJI Phantom 4 pro, thời gian bay và diện tích bao phủ còn hạn chế (khoảng 20 phút = 40 - 60ha mỗi chuyến). Để có phạm vi bao phủ rộng hơn, các bên kiến nghị kết hợp sử dụng ảnh vệ tinh hoặc các thiết bị bay UAVs khác (cánh cố định).

- Cần tổ chức các khoá tập huấn chuyên sâu trước khi vận hành bay và mỗi đơn vị cần bố trí cán bộ có đủ năng lực để sử dụng, thao tác thiết bị.

- Ngân sách cho hoạt động bảo trì định kỳ cần được đảm bảo và việc sử dụng phí quản lý PFES cho các chủ rừng sẽ là một nguồn ngân sách bền vững cho mục đích này. Ngoài ra, thủ tục hành chính trong nước về vận hành thiết bị bay cần được xem xét cẩn thận.





Xác định hoạt động lấn chiếm từ ảnh chụp của thiết bị



Ảnh chụp từ flycam

Trước đây, mất nhiều thời gian để tuần tra tuyến dài 4km. Tuy nhiên, với flycam, công việc này chỉ mất khoảng 20 phút và được thực hiện rất đơn giản.



**Ông Phạm Xuân Đảm**

(Cán bộ kiểm lâm,  
VQG Bidoup Núi Bà)



## Hợp tác công-tư

Sự tham gia chủ động của doanh nghiệp tư nhân là yếu tố chính thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên, bao gồm quản lý rừng, mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội cho các bên liên quan.

## [Thành quả 1] KẾT NỐI ĐẦU TƯ VÀ THÚC ĐẨY TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Bối cảnh

Kết nối doanh nghiệp tư nhân vào quản lý rừng bền vững đóng vai trò rất quan trọng. Để thực hiện điều đó, một trong những giải pháp là kết nối đầu tư theo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) với các dự án, chương trình quản lý rừng bền vững. Đây không phải là giải pháp chủ động để thúc đẩy quản lý rừng bền vững nếu so với đầu tư trực tiếp từ doanh nghiệp; tuy nhiên, dù hỗ trợ bằng tài chính hay hiện vật, việc tham gia của doanh nghiệp theo mô hình CSR để thực hiện hơn và mang lại nhiều giá trị.

Rất nhiều doanh nghiệp tư nhân sẵn sàng thực hiện trách nhiệm xã hội của mình nhưng cũng gặp không ít rào cản để thực hiện mục tiêu đó – đặc biệt khi cần lập kế hoạch, phối hợp và triển khai các dự án, hoạt động hiện trường như bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng và phát triển sinh kế cho người dân địa phương.

Do đó, JICA đã cùng với các doanh nghiệp tư nhân

lập kế hoạch, thực hiện các hoạt động CSR trên hiện trường.

### 2. Các hoạt động hỗ trợ

Trong những năm qua, Dự án SNRM đã phối hợp với Công ty Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL hỗ trợ các hoạt động sau tại tỉnh Điện Biên:

- Ký kết Biên bản ghi nhớ giữa JICA và các doanh nghiệp tư nhân về việc thực hiện các hoạt động CSR thông qua dự án SNRM.
- Phối hợp với chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã.
- Lập kế hoạch và giám sát hàng năm hoạt động hiện trường cùng với các doanh nghiệp tư nhân Nhật Bản.
- Thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có làm hàng rào chắn và bố trí cán bộ hiện trường để hỗ trợ kỹ thuật.
- Thúc đẩy phát triển sinh kế thông qua hoạt động



Sự kiện trồng rừng năm 2016 do các doanh nghiệp Nhật Bản hỗ trợ

trồng và chế biến cà phê bền vững cùng một doanh nghiệp cà phê trong nước.

- Tăng cường giám sát hiện trường hàng năm với các doanh nghiệp tư nhân.
- Lắp đặt biển báo về hỗ trợ CSR để người dân dễ nắm bắt thông tin.
- Dựng video giới thiệu, quảng bá hỗ trợ CSR.

### 3. Phát hiện

● Ngoài hỗ trợ tài chính của doanh nghiệp trong các hoạt động CSR, cơ quan đối tác cũng cần có đủ năng lực lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động hiện trường. Các dự án của nhà tài trợ như SNRM chính là cầu nối để đảm bảo yêu cầu đó.

● Khi kết hợp hỗ trợ CSR vào một dự án đang triển khai, doanh nghiệp tư nhân sẽ tiết kiệm thời gian chuẩn bị đầu tư và có thể sớm triển khai các hoạt động hỗ trợ trên hiện trường.

● Các nhà tài trợ thường không thể tiếp nhận trực tiếp nguồn kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp tư nhân. Do đó, cần xác định tổ chức, cá nhân trong nước (tổ chức địa phương hoặc một cá nhân có uy

tín) có thể tiếp nhận kinh phí và thực hiện các hoạt động CSR.

- Do hỗ trợ CSR thường có thời gian thực hiện ngắn, cần xác định, kết hợp với các nguồn hỗ trợ bền vững hơn trong trung và dài hạn, ví dụ như đầu tư trực tiếp hoặc hoạt động kinh doanh có tiềm năng.
- Mức độ nhận diện là một trong những khía cạnh quan trọng của hỗ trợ CSR và cần được lồng ghép vào quá trình thiết kế dự án.



Điểm trồng rừng năm 2019



Điểm trồng rừng năm 2016

## [Thành quả 2] KẾT NỐI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 1. Bối cảnh

Kết nối doanh nghiệp tư nhân vào quản lý rừng bền vững đóng vai trò rất quan trọng. Để thực hiện điều đó, một trong những giải pháp là gỡ bỏ rào cản để thu hút đầu tư tư nhân vào quản lý rừng bền vững.

Trong một chuyến công tác tại tỉnh Điện Biên, Chủ tịch Công ty Usui Nouchikusan – một doanh nghiệp tư nhân Nhật Bản – nhận thấy nhiều sản phẩm tre nứa (Mạ Chả) chưa được tận dụng và có ý tưởng hỗ trợ người dân tăng thêm thu nhập bằng cách khai thác bền vững nguồn tài nguyên này. Công ty đã đầu tư thành lập một xưởng chế biến nhỏ để chế biến Mạ chả thành các sản phẩm sử dụng trong nông nghiệp. Tất cả sản phẩm chế biến đã được Usui Nouchikusan xuất khẩu và bày bán tại thị trường Nhật Bản.

Sau thời gian đầu hoạt động hiệu quả, xưởng chế biến đã sớm gặp khó khăn về nguồn nguyên liệu đầu vào. Hầu hết diện tích rừng tre nứa đã được chuyển sang diện tích canh tác trong khi sản lượng Mạ chả từ rừng tự nhiên không đủ để xưởng có thể hoạt động trong trung và dài hạn. Với doanh nghiệp, họ mong muốn phục hồi diện tích rừng tre nứa để tạo thu nhập cho người dân địa phương. Tuy nhiên, mục tiêu này nằm ngoài phạm vi năng lực của một doanh nghiệp tư nhân.

Trong khi đó, JICA đang thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển bền vững của các quốc gia đang phát triển. Trong khuôn khổ chương trình hỗ trợ thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững, JICA cùng với Dự án SNRM hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp thử nghiệm, xác định kỹ thuật nhân giống và trồng Mạ chả tại tỉnh Điện Biên từ năm 2018.



Điểm trồng thử nghiệm Mạ chả. Các kỹ thuật trồng được thí điểm tại đây.

### 2. Các hoạt động hỗ trợ

Chương trình hỗ trợ thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững của JICA cung cấp tài chính để doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau:

- Thử nghiệm các kỹ thuật nhân giống cây Mạ chả
- Thử nghiệm các kỹ thuật trồng Mạ chả
- Thử nghiệm sơ chế mạ chả do người dân thực hiện

Hỗ trợ của Dự án SNRM bao gồm:

- Phối hợp với cơ quan địa phương cấp tỉnh, huyện, xã
- Cung cấp đầu vào kỹ thuật cho quá trình thiết kế, thực hiện dự án



Xưởng thu mua và chế biến Mạ chả để xuất khẩu sang Nhật Bản.

- Trồng thử nghiệm Mạ chả tại hiện trường của dự án ở tỉnh Điện Biên để phát triển sinh kế

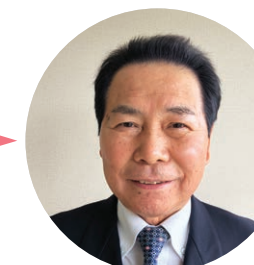
### 3. Phát hiện

- Mặc dù được vận hành theo cơ chế thị trường, mỗi doanh nghiệp vẫn cần được hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài, ví dụ như các tổ chức phát triển hoặc dự án hiện trường của các tổ chức đó, để phát triển các mô hình kinh doanh sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

- Mô hình kinh doanh lâm sản cần đánh giá lợi thế sản phẩm trên thị trường. Trong trường hợp này, Mạ chả phát triển tập trung tại vùng phía Nam Trung Quốc và phía Bắc Việt Nam, đồng thời là sản phẩm có nhu cầu rất lớn trên thị trường.

- Chính quyền địa phương cần đơn giản hóa thủ tục để đảm bảo thực hiện hiệu quả các mô hình kinh doanh, hỗ trợ giảm nghèo và quản lý rừng bền vững hơn tại địa phương.

Hỗ trợ và sự đồng hành của JICA giúp chúng tôi thực hiện nhiều hoạt động, bao gồm nhân giống Mạ chả. Chúng tôi sẽ tiếp tục tăng cường hoạt động này và công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên ở cấp địa phương.



**Ông Masaaki Usui**

(Chủ tịch, Công ty Usui Nouchikusan)

## [Thành quả 3] THIẾT LẬP CHUỖI CUNG ỨNG VÀ TIẾP THỊ (mô hình nấm hương Shiitake)



Thu hoạch theo gói phục vụ khách hàng cao cấp

### 1. Bối cảnh

Để đảm bảo mang lại cho người nông dân những lợi ích lớn và bền vững, việc xây dựng một chuỗi cung ứng ổn định nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường là một trong những nhân tố chủ chốt. Trên cơ sở tận dụng những lợi thế từ hình ảnh uy tín của nông sản cao nguyên tại Đà Lạt và khả năng tiếp cận tương đối dễ dàng tới Thành phố Hồ Chí Minh, các loại hình hoạt động marketing nhằm thúc đẩy và phổ biến giá trị sản phẩm nấm hương đi kèm với câu chuyện Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (khu DTSQ TG Lang Biang) cũng như việc phát triển chuỗi cung ứng tiêu chuẩn cao đã được tiến hành với sự tham gia của khu vực tư nhân như các công ty logistics/ sản xuất nông nghiệp và chuỗi bán lẻ với siêu thị và nhà hàng.

### 2. Hoạt động

#### ● Xây dựng sách ảnh

Sách ảnh “Tái kết nối con người và thiên nhiên” đã được xây dựng nhằm truyền tải câu chuyện về nấm hương Shiitake được cung cấp từ các hệ sinh thái trù phú của khu DTSQ TG Lang Biang, giới thiệu các nhà sản xuất nấm hương Shiitake...v.v. Sách ảnh này đã được sử dụng như sản phẩm truyền thông tại các sự kiện, nhà hàng và cửa hàng bán lẻ.

#### ● Các hoạt động chào bán thử nghiệm và xúc tiến sản phẩm

Chào bán thử nghiệm đã được triển khai với sự hỗ trợ của Sở Công - Thương tỉnh Lâm Đồng và các nhà hàng tham gia nhằm thúc đẩy tiêu thụ nấm hương Shiitake tới người tiêu dùng và các nhà bán lẻ. Thu hút sự quan tâm từ câu chuyện đặc hữu, các đầu bếp Nhật Bản, ví dụ như thăm quan cơ sở sản xuất và giới thiệu sản phẩm tại show tiệc tối ở thành phố Hồ Chí Minh.

#### ● Phát triển chuỗi cung ứng và cải thiện khâu sau thu hoạch

Dự án SNRM đã làm việc với Công ty TNHH Dalat Ecology, một công ty tư nhân hoạt động trong lĩnh vực logistics về nông sản, và Công ty cổ phần Nguyên Long, chuyên kinh doanh nấm hương Shiitake có hợp đồng với nông dân, để phát triển chuỗi cung ứng và cải thiện các hoạt động sau thu hoạch, bao gồm cả khâu đóng gói sản phẩm. Đặc biệt, để tránh làm hỏng chất lượng các sản phẩm tươi sống, nấm được vận chuyển bằng xe tải đông lạnh và được bảo quản ở các kho đông lạnh tại Thành phố Hồ Chí Minh (xây dựng chuỗi bảo quản - vận chuyển đông lạnh). Thậm chí đã xây dựng chuỗi cung ứng chất lượng cao cho doanh nghiệp nhỏ thông qua hợp tác với các doanh nghiệp đối tác.



Sách ảnh “Tái kết nối Con người và Thiên nhiên”



Chào bán thử nghiệm nấm hương Shiitake tại Pizza 4P's



Logo của khu DTSQ TG Lang Biang

### ● Điều chỉnh sản xuất bằng ứng dụng công nghệ thông tin

Nguồn cung ổn định đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo lợi ích của khách hàng. Giám sát tổng thể quy trình sản xuất thực sự cần thiết để điều chỉnh hoạt động sản xuất của mỗi nông hộ, đồng thời hồ sơ dữ liệu đã được lập theo đó tổng hợp dữ liệu sản xuất và được lưu trên mạng lưới đám mây để doanh nghiệp tiện theo dõi và điều chỉnh khối lượng sản xuất để đáp ứng nhu cầu.

### ● Sử dụng logo khu DTSQ TG Lang Biang

Logo khu DTSQ TG Lang Biang đã được thiết kế. Văn phòng sở hữu trí tuệ Việt Nam đã cấp chứng nhận thương hiệu cho các sản phẩm nấm, cà phê và du lịch của khu DTSQ TG Lang Biang. Do vậy, sau khi Ban quản lý khu DTSQ TG Lang Biang xây dựng và phê duyệt hướng dẫn vận hành, các doanh nghiệp tại khu DTSQ TG Lang Biang sẽ có thể sử dụng logo trên cơ sở cam kết nhằm thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm địa phương từ khu DTSQ TG Lang Biang. Nấm hương Shiitake và các hoạt động du lịch sinh thái cũng được đánh giá là những sản phẩm có tiềm năng lớn.

### 3. Những phát hiện chính

- Câu chuyện có thể giúp mô tả đặc điểm của các thị trường trong khi đó nguồn cung ổn định có thể giúp mở rộng thị trường. Thông qua việc xây dựng thương hiệu nấm hương Shiitake như một sản phẩm có giá trị góp phần bảo tồn rừng ở khu DTSQ TG Lang Biang, thị trường dành cho khách hàng cao cấp đã được khám phá và các sản phẩm đã được giao cho các khách hàng như AEON và Pizza 4P's tại Thành phố Hồ Chí Minh. Để mở rộng thị trường hơn nữa, tăng cường năng lực về quản lý sản xuất của các doanh nghiệp cũng như nhóm nông hộ thực sự rất quan trọng để đảm bảo kiểm soát chất lượng liên tục và sản xuất ổn định.

- Hưởng ứng Chính sách phát triển Mỗi làng Một sản phẩm (OVOP, việc đăng ký nấm hương Shiitake có nguồn gốc từ khu DTSQ TG Lang Biang đã được tiến hành. Với chứng nhận VietGAP được phê duyệt cho nhiều nhà sản xuất nấm, các bên đều kỳ vọng ngân sách xúc tiến thương mại/ hỗ trợ của chính phủ cho sản phẩm này sẽ được đảm bảo.



Nguồn ảnh: Ecologic Masa Shintani



Nguồn ảnh: Trần Nhật Tiên



# Bảo tồn đa dạng sinh học

Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao trên thế giới. Rất nhiều nỗ lực bảo vệ tài sản quốc gia này đã được triển khai rộng khắp trên toàn quốc.

# [Thành quả 1] XÂY DỰNG VÀ THỰC THI KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI LANG BIANG

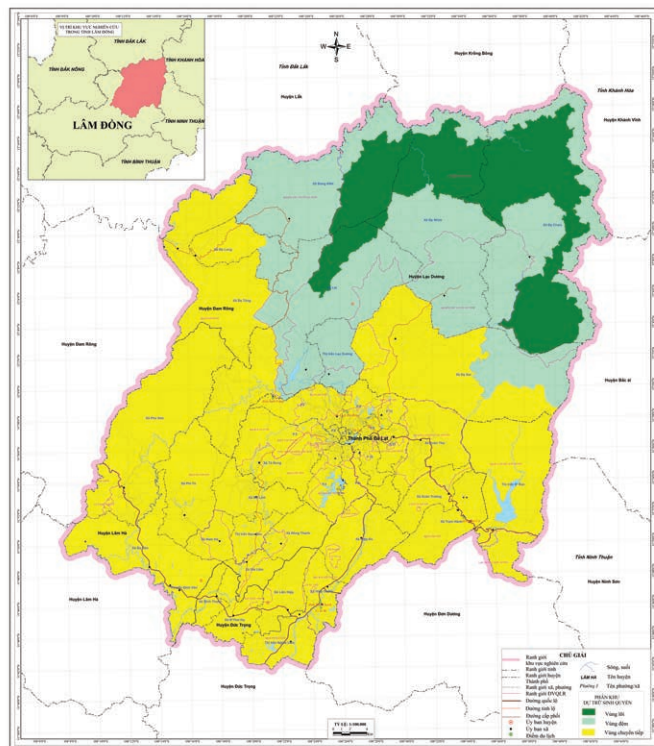
## 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Cao nguyên Lang Biang và vùng phụ cận của nó bao phủ 275.439 ha tỉnh Lâm Đồng đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học, và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (KDTSQ TG Lang Biang) vào tháng 6 năm 2015. Nhằm quản lý hiệu quả khu DTSQ TG Lang Biang, Ban quản lý KDTSQ TG Lang Biang được thành lập vào tháng 6 năm 2016 với một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) là Trưởng ban và lãnh đạo các sở/ ban ngành là thành viên theo quyết định (Số: 1164 /QĐ-UBND) của UBND tỉnh. Thể theo yêu cầu của UNESCO về việc xây dựng kế hoạch quản lý, Bản kế hoạch quản lý khu

DTSQ TG Lang Biang đã được xây dựng và thực thi vì mục đích bảo tồn và phát triển bền vững, cụ thể như sau.

## 2. Hoạt động

● Xây dựng dự thảo Kế hoạch 5 năm (2018-2022) theo tinh thần kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/ địa phương và quy hoạch sử dụng đất...v.v, có tầm nhìn với 5 mục tiêu và 9 chương trình gồm 35 tiểu chương trình. Dự thảo kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp Ban quản lý KDTSQ TG Lang Biang lần thứ 3 trong tháng 7 năm 2020 và UBND tỉnh phê duyệt với Quyết định (Số: 786/ QĐ-UBND) ban hành tháng 4 năm 2018.



Bản đồ KDTSQ TG Lang Biang



Vùng chuyển tiếp

- Xây dựng các kế hoạch hàng năm (KHHĐ) 2018 để thực hiện Kế hoạch tổng thể theo cách thức sử dụng một số nguồn ngân sách thường xuyên năm 2018 của các tổ chức dưới đây phù hợp với Ban quản lý KDTSQ TG Lang Biang cùng 12 tổ chức được chỉ định trong quyết định của UBND nêu trên. Các kế hoạch AAPs đã được Ban thư ký của BQL KDTSQ TG Lang Biang và theo đó được triển khai và các tổ chức hữu quan giám sát.
- Xây dựng, thực thi và giám sát các KHHĐ 2019 theo cách thức cải tiến bởi các tổ chức hữu quan.
- Đóng góp của Dự án SNRM trong việc phát triển các công cụ và mô hình liên quan tới quản lý bền vững KDTSQ TG Lang Biang được đưa vào trong tài liệu này. Mối quan hệ tương ứng giữa Kế hoạch tổng thể và từng công cụ/ mô hình được mô tả cụ thể dưới đây.

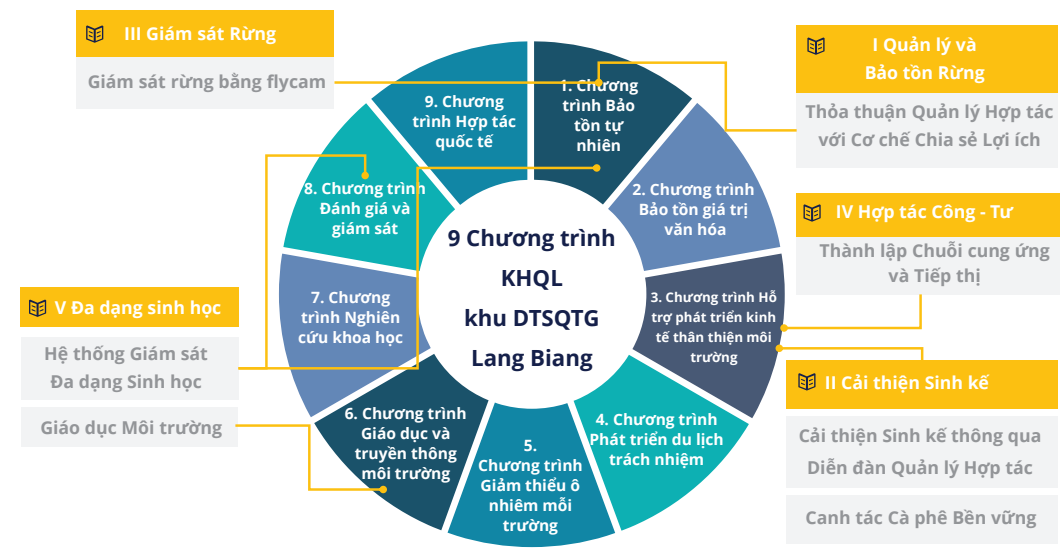


## 3. Những phát hiện chính, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

- Việc xây dựng/ thực thi KHHĐ phù hợp/ bền vững thực sự cần có sự điều phối mạnh mẽ của BQL KDTSQ TG Lang Biang cùng với hỗ trợ của UBND, tuy nhiên cần xem xét việc BQL KDTSQ TG Lang Biang hiện chưa được trao quyền để điều phối các sở/ ban ngành của tỉnh trong hoạt động;
- Kế hoạch tổng thể của KDTSQ TG Lang Biang là một kế hoạch phối hợp đa ngành, theo đó thống

nhất với các kế hoạch/ chiến lược hiện hành. Phương thức lập kế hoạch tại KDTSQ TG Lang Biang là một phương pháp tiếp cận mới đối với các tổ chức của chính phủ trong nước, do vậy việc cung cấp thông tin/ hướng dẫn phù hợp cũng như chỉ dẫn của UBND là rất cần thiết để đảm bảo sự tham gia chủ động và tích cực của các bên liên quan; và

- Ban thư ký KDTSQ TG Lang Biang đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng và giám sát KHQL/ KHHĐ, như vậy việc tăng cường năng lực điều phối và hỗ trợ là chìa khoá để đảm bảo vận hành bền vững.



## [Thành quả 2] GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG



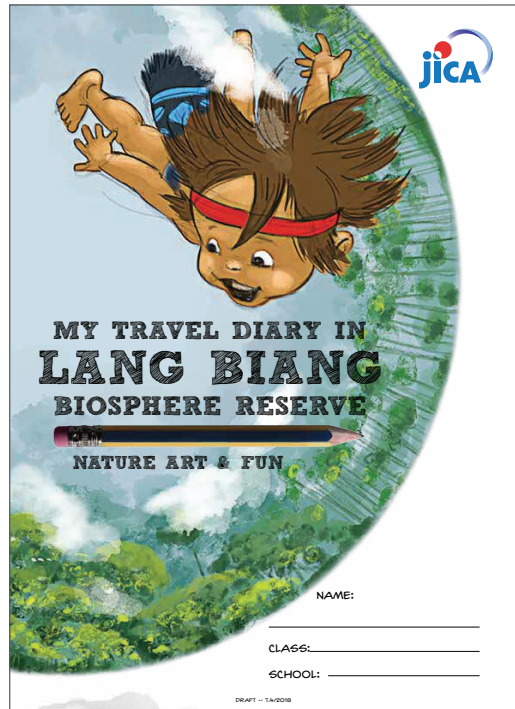
### 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Kế hoạch quản lý 5 năm (KHQL) của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (DTSQ TG Lang Biang) đặt ra 5 mục tiêu được hiện thực hoá với 9 chương trình gồm 35 chương trình thành phần. Một trong những mục tiêu đó là “Đóng góp vào Giáo dục môi trường (GDMT)”, do vậy, BQL KDSQ Lang Biang đã được đề nghị xây dựng chương trình GDMT tại khu DTSQ TG Lang Biang để góp phần thực hiện MP. Cùng thời điểm này, hiện đang tồn tại các hành vi vi phạm lâm luật bao gồm cả lấn chiếm đất rừng đã và đang diễn tiến phức tạp trong khu vực khu DTSQ TG Lang Biang có thể do thực tế rằng giá trị của khu DTSQ TG Lang Biang chưa được mọi người hiểu một cách đầy đủ, bao gồm cả các bên liên quan mặc dù khu DTSQ TG Lang Biang được thành lập vì mục tiêu bảo tồn bền vững. Với mục tiêu nâng cao nhận thức của các bên liên quan về giá trị của khu DTSQ TG Lang Biang, việc xây dựng/ thực hiện GDMT sẽ là giải pháp để cải thiện tình hình trên. Ngoài ra, GDMT cũng tác động tích cực đến những sản phẩm tại khu DTSQ TG Lang Biang để mở rộng thị trường.

### 2. Các hoạt động

- Xây dựng kế hoạch thực thi GDMT thông qua các cuộc khảo sát và tham vấn các bên liên quan đồng thời xác định các nhóm mục tiêu như học sinh trung học với kỳ vọng áp dụng tới các khu DTSQ khác ở Việt Nam.

- Phát triển 2 loại sách GDMT (1 loại cho học sinh, sinh viên và 1 loại cho hướng dẫn viên) với chủ đề chính là Văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số K’ho và Thiên nhiên tại khu DTSQ TG Lang Biang mang tới những nội dung dễ hiểu và trải nghiệm lí thú cùng những hình ảnh nghệ thuật cho các nhóm mục tiêu.



Sách GDMT



Tour thử nghiệm GDMT

- Tiến hành các khoá tập huấn cho các cán bộ và kiểm lâm viên của Vườn quốc gia Bidoup – Núi bà (BNBNP) và hướng dẫn viên địa phương về các kỹ năng diễn giải và hướng dẫn, tiếp sau là các thử nghiệm thành công với sự tham gia của các học sinh trung học từ Tp.Hồ Chí Minh và Đà Lạt.

- Chia sẻ các hoạt động GDMT với MAB Việt Nam và các khu dự trữ sinh quyển khác để áp dụng nếu phù hợp.

- Thiết lập hệ thống lọc nước để cung cấp nước khoáng được lọc cho khách tham quan, du lịch sinh thái phần vì nhận thức được những dịch vụ quan trọng của rừng đồng thời giáo dục du khách thông qua việc chấm dứt thói quen xả vỏ chai nhựa trong rừng khi họ mang theo để giải khát.

- Nâng cấp nhà khách tại VQG Bidoup – Núi Bà để cải thiện GDMT nhằm đáp ứng những nhu cầu đa dạng của du khách GDMT. Đồng thời thiết lập khu lều trại kiểu mẫu cung cấp cho du khách không gian tiện nghi/ cao cấp dù việc này cần chi phí xây dựng thấp hơn nhiều so với nhà khách.

### 3. Những phát hiện chính

- Một loạt các tour GDMT thử nghiệm với học sinh trung học ở Thành phố HCM/ Đà Lạt ghi nhận những đánh giá cao về các hoạt động giải trí và phổ biến tri thức từ các trường tham gia đồng thời làm sâu sắc hơn hiểu biết của học sinh về các giá trị và tầm quan trọng của khu DTSQ TG Lang Biang.

- GDMT với các nội dung giải trí thông qua các trải nghiệm khiến cho GDMT được các thành viên tham gia nhiệt liệt chào đón. Điều kiện ăn nghỉ phù hợp với môi trường xung quanh và tận hưởng nước khoáng sẵn có từ thiên nhiên chắc chắn sẽ khiến nhận thức sâu sắc hơn về những lợi ích của hệ sinh thái rừng giàu cũng như gia tăng sự hài lòng của những người tham gia chương trình GDMT.

- Nhận thức và năng lực của cán bộ VQG Bidoup – Núi Bà và những người dân thôn bản tham gia thực hiện GDMT đã được cải thiện đáng kể vào hoàn toàn chủ động triển khai hiệu quả GDMT.



Hệ thống lọc nước



Tour thử nghiệm GDMT

*Tôi rất vui được chia sẻ văn hóa của dân tộc K’ho, đặc biệt là các kỹ năng dệt thổ cẩm với thế hệ trẻ thông qua chương trình giáo dục môi trường.*



**Bà Kon Sa Da Ny**

(Thôn Đa Blah, xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương)



## [Thành quả 3] HỆ THỐNG GIÁM SÁT ĐA DẠNG SINH HỌC DÀNH CHO KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN THẾ GIỚI LANG BIANG



Lắp đặt bẫy ảnh



Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*)

### 1. Bối cảnh và Mục tiêu

Diện tích rừng vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (khu DTSQ TG Lang Biang) bao gồm cả Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà (VQG Bidoup - Núi Bà) đã tiếp tục bị suy giảm/ suy thoái trong những thập kỷ qua, ảnh hưởng tiêu cực tới tài nguyên đa dạng sinh học mặc dù thực tế rằng BNNBP được quốc tế công nhận là một trong những điểm nóng đa dạng sinh học quan trọng nhất tại khu vực Đông Nam Á. Để giải quyết tình trạng trên, Dự án SNRM cùng với Ban quản lý bnnbp đã phát triển Hệ thống giám sát đa dạng sinh học (MBS) để giám sát tình hình sức khỏe của

các hệ sinh thái rừng quan trọng vốn có, đồng thời phát hiện những thay đổi về môi trường theo cách thức thích hợp và khoa học để giúp Ban quản lý lập kế hoạch hoặc xây dựng các biện pháp tương thích vì mục đích bảo tồn đa dạng sinh học.

### 2. Các hoạt động được hỗ trợ

BMS được thiết kế để thực hiện giám sát Đa dạng sinh học theo các cách thức “dễ dàng sử dụng” và “chi phí phải chăng” đồng thời Dự án SNRM đã hỗ trợ thực hiện các hoạt động sau.

- Xây dựng hệ thống BMS trong vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ TG Lang Biang, chú trọng giám sát các loài chỉ báo quan trọng được xác định và lựa chọn từ thực vật, động vật có vú, chim, lưỡng cư và côn trùng theo đó được xây dựng thông qua điều tra cơ bản đa dạng sinh học và một loạt các cuộc tham vấn với các bên liên quan.

- Thiết lập các điểm giám sát trên hiện trường bao gồm 6 tuyến giám sát và 1h ô định vị, tất cả những khu vực này đã được khảo sát cơ bản và lắp đặt 35 bẫy ảnh theo như kế hoạch thực thi BMS.

- Tổ chức các khóa tập huấn OJT/Off-JT cho các kiểm lâm viên/ cán bộ kỹ thuật của BNNBP về các kỹ thuật giám sát đa dạng sinh học tại hiện trường và quản lý cơ sở dữ liệu.

- Đầu vào kỹ thuật từ quá trình thực thi BMS như thu thập dữ liệu từ bẫy ảnh, phân tích dữ liệu và nhập liệu vào cơ sở dữ liệu (BRAHMS) đồng thời chia sẻ tới Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) trực thuộc Bộ TN & MT và Bộ NN & PTNT.

- Việc xây dựng một sổ tay giám sát đa dạng sinh học toàn diện ở cấp độ quản lý và cấp hiện trường hiện đang sẵn có tại trang web Dự án SNRM (<https://www.jica.go.jp/project/english/vietnam/037/materials/index.html>).

### 3. Những phát hiện chính và khuyến nghị

- Một loài rắn mới (*Oligodon rostralis*) đã được phát hiện từ cuộc điều tra cơ bản đa dạng sinh học thực hiện năm 2017 và nhiều loài được đăng ký trong Sách đỏ IUCN cũng như được Sách đỏ Việt Nam công nhận thông qua thực thi BMS gao gồm loài mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), loài có nguy cơ cao trong Sách đỏ IUCN.

- BMS được thiết lập là một trong những hệ thống



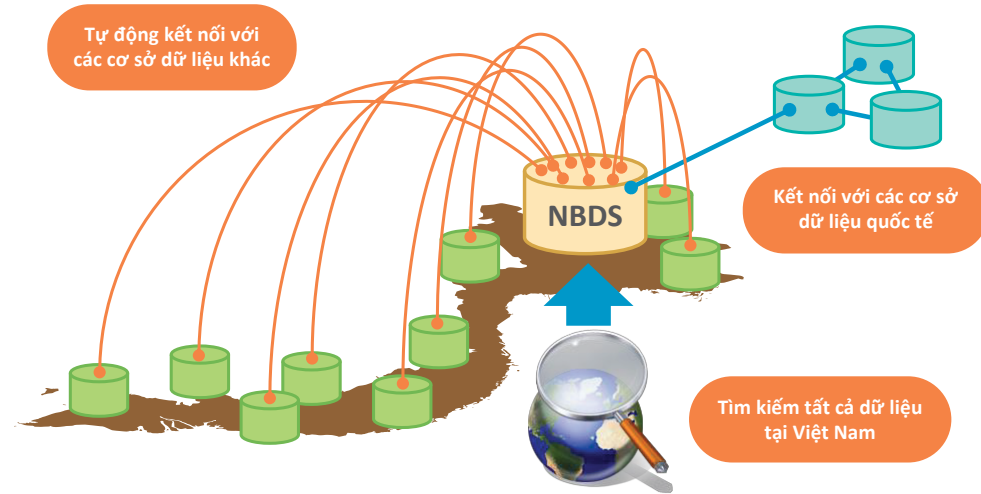
Nguồn ảnh: Trần Văn Bằng

Loài rắn mới (*Oligodon rostralis*)

giám sát đa dạng sinh học hiệu quả nhất và khả thi nhất về chi phí phù hợp đối với các khu bảo tồn tại Việt Nam. Do vậy, người ta kiến nghị rằng BMS nên được chia sẻ với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để có thể áp dụng đối với các vườn quốc gia và khu dự trữ thiên nhiên khác có điều kiện tự nhiên tương đồng.

- Giám sát đa dạng sinh học cần được thực hiện liên tục với tần suất được thiết kế với các loài chỉ báo để đóng góp vào bảo tồn đa dạng sinh học tại khu DTSQ TG Lang Biang. Tuy nhiên, BMS tại khu DTSQ TG Lang Biang đã và đang được thực hiện chủ yếu đối với các loài có vú và chim do hạn hẹp về tài chính mặc dù BMS được thiết kế như là một hệ thống đơn giản, dễ áp dụng và chi phí phải chăng. Do đó, người ta kiến nghị rằng ngân sách cho việc thực hiện BMS cần được đảm bảo đầy đủ. Đồng thời những đơn vị thực thi liên quan cũng được kiến nghị tận dụng sáng kiến này để tìm kiếm cơ hội hợp tác bảo tồn đa dạng sinh học bao gồm cả BMS với các nhà tài trợ quốc tế, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức phi chính phủ và các viện hàn lâm.

## [Thành quả 4] HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC (NBDS)



### 1. Bối cảnh

Việt Nam là một quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao với đa dạng hệ sinh thái, loài và nguồn gen, mang lại nhiều lợi ích cho người dân địa phương. Trong nhiều năm qua, các tổ chức trong nước và quốc tế đã thu thập được rất nhiều dữ liệu và thông tin có giá trị liên quan đến đa dạng sinh học tại các vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn (KBT). Tuy nhiên, hầu hết các dữ liệu và thông tin này không được lưu trữ tập trung trên toàn quốc do thiếu hệ thống chia sẻ thông tin cũng như không được cập nhật thường xuyên bởi hạn chế về năng lực, nguồn lực của các ban quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn và cơ quan quản lý. Hệ thống Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Đa Dạng Sinh Học (NBDS) chính là nền tảng để người dùng có thể tiếp cận trực tuyến (<http://nbds.ceid.gov.vn/>) và chia sẻ dữ liệu, thông tin liên quan đến đa dạng sinh học, đồng thời cũng cung cấp bộ số liệu toàn diện để hỗ trợ xây dựng chính sách và thực hiện bảo tồn đa dạng sinh học trên phạm vi toàn quốc.

### 2. Hoạt động và thành quả

● Dự án SNRM đã phối hợp với Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường thu thập dữ liệu loài từ 36 VQG, KBT đại diện cho các hệ sinh thái trên cạn, đất ngập nước và hệ sinh thái biển quan trọng nhất ở Việt Nam được Thủ tướng xác định là các điểm quan trọng đa dạng sinh học (Quyết định số 90/QĐ-TTg năm 2016). Tổng số khoảng 65.000 bộ dữ liệu loài, bao gồm động vật có vú, chim, bò sát, động vật lưỡng cư và thực vật, đã được thu thập và lưu trữ vào NBDS.



● Dự án SNRM phối hợp với Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học tổ chức nhiều khóa tập huấn cho cán bộ quản lý cấp tỉnh, cán bộ các VQG/KBT, viện nghiên cứu và các tổ chức liên quan về giám sát đa dạng sinh học và quản lý NBDS. Tổng cộng, hơn 200 cán bộ các VQG/KBT và cơ quan quản lý đã được đào tạo, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để cập nhật dữ liệu đa dạng sinh học. Sau các khóa tập huấn, cán bộ các VQG/KBT tổ chức tập huấn lại cho các cán bộ khác cùng đơn vị để phổ biến kiến thức và sử dụng NBDS hiệu quả trong quản lý dữ liệu về đa dạng sinh học và các hoạt động khác về bảo tồn đa dạng sinh học.



Nguồn ảnh: Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

● Dự án SNRM hợp tác với Bảo tàng Tự nhiên và Khoa học Quốc gia Nhật Bản hỗ trợ, xây dựng năng lực Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học để kết nối với Cơ sở Thông tin Đa dạng sinh học Toàn cầu (GBIF). Đây là cơ sở dữ liệu mở trên phạm vi toàn cầu, cho phép tiếp cận dữ liệu về tất cả các loài trên trái đất. Năm 2017, Chính phủ Việt Nam và GBIF đã ký Biên bản ghi nhớ để tăng cường trao đổi dữ liệu và thông tin về đa dạng sinh học.



Hội thảo tập huấn NBDS tại Đà Nẵng

### 3. Phát hiện

● Một số vấn đề chính ghi nhận được trong quá trình thu thập dữ liệu loài tại 36 VQG/KBT bao gồm:

+ Thiếu chiến lược, kế hoạch phát triển và quản lý dữ liệu đa dạng sinh học;

+ Thiếu nhân sự có kỹ năng để quản lý dữ liệu đa dạng sinh học; và

+ Phương pháp ghi chép, quản lý dữ liệu không phù hợp, ví dụ như không xác định rõ nguồn dữ liệu, số lượng ảnh chụp ít, sử dụng phiếu ghi chép dạng giấy (không phải là phiếu thu thập dạng số), không chuẩn hóa định dạng dữ liệu, trùng lặp dữ liệu, tên loài không chính xác.

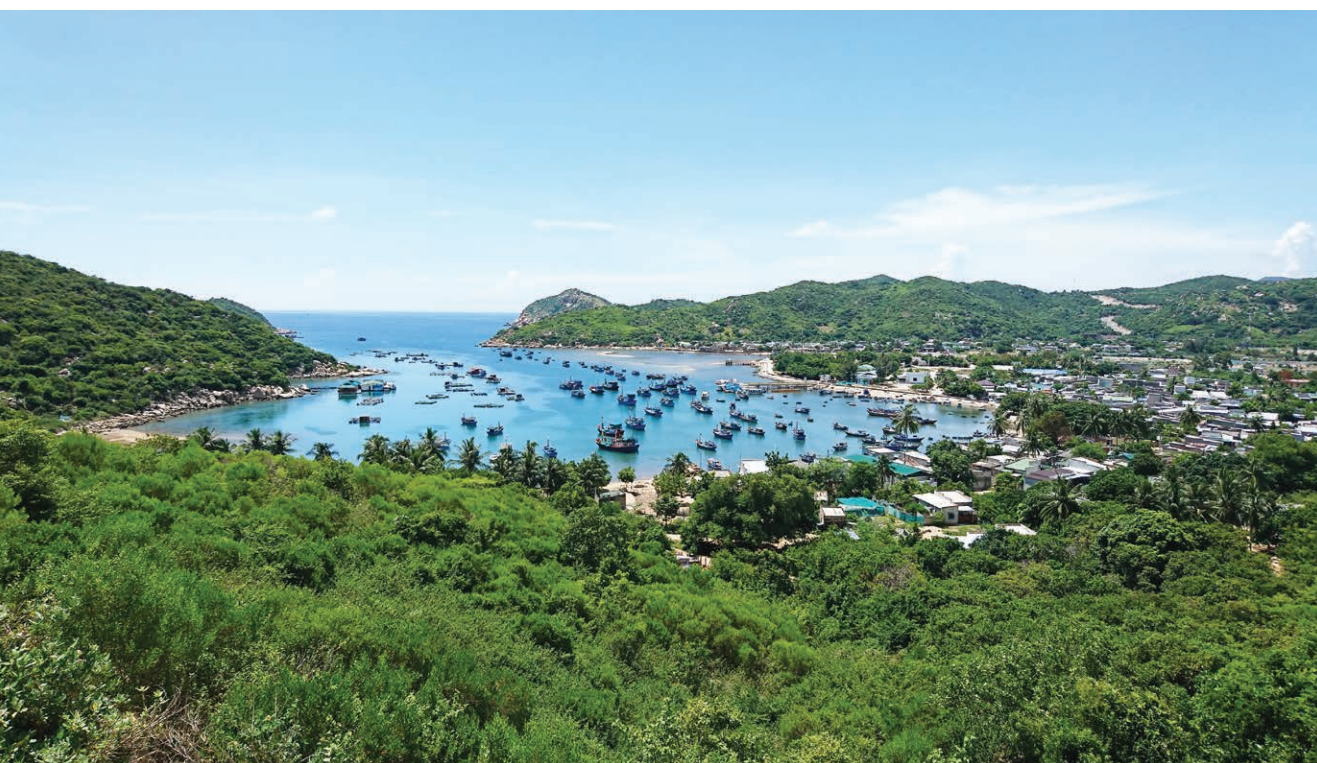
● Theo quy định tại Luật Đa dạng sinh học (2008), các ban quản lý VQG/KBT hoặc các tổ chức liên quan phải cập nhật hiện trạng đa dạng sinh học trong khu vực quản lý định kỳ 3 năm 1 lần (Điều 33). Để thực hiện mục tiêu này, các cơ quan cấp trung ương và cấp tỉnh cần đảm bảo đủ nguồn lực, bao gồm nhân lực và tài chính.

*NBDS là nguồn thông tin quan trọng để hỗ trợ xây dựng/ thực hiện chính sách về bảo tồn đa dạng sinh học.*



**Tiến sĩ Nguyễn Xuân Dũng**

(Phó Cục Trưởng, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài Nguyên và Môi trường)



# REDD+

REDD+ là cơ chế giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu thông qua hạn chế phát thải khí nhà kính từ rừng và tăng cường trữ lượng các-bon. Việt Nam đã có nhiều kết quả tích cực trong lộ trình REDD+ nhờ sự tham gia chủ động của các bên liên quan.

## [Thành quả 1] CHUYỂN TỪ GIAI ĐOẠN SẴN SÀNG SANG CHI TRẢ DỰA TRÊN KẾT QUẢ REDD+

### 1. Bối cảnh

REDD+ là chữ viết tắt của “giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn trữ lượng các bon rừng, quản lý rừng bền vững và tăng cường trữ lượng các bon rừng ở các nước đang phát triển”. Đây là một cơ chế quốc tế với mục tiêu thực hiện chi trả dựa trên kết quả giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường hấp thụ carbon trong ngành lâm nghiệp ở các nước đang phát triển.

Để được chi trả, một quốc gia phải đáp ứng bốn yêu cầu chính. Thứ nhất là xây dựng chiến lược hoặc kế hoạch hành động quốc gia về REDD+ nhằm thể hiện cam kết chính trị và kế hoạch hành động cụ thể về REDD+. Thứ hai là xây dựng đường phát thải cơ sở để đối sánh kết quả thực hiện, còn được gọi là Mức phát thải tham chiếu rừng/Mức tham chiếu rừng (FREL/FRL). Thứ ba là xây dựng hệ thống theo dõi diễn biến rừng quốc gia hiệu quả, minh bạch (NFMS) nhằm tính toán kết quả REDD+. Cuối cùng là xây dựng hệ thống thông tin về bảo đảm an toàn trong REDD+ để đảm bảo rằng, các hoạt động REDD+ không ảnh hưởng tiêu cực với người dân và môi trường.

Việt Nam đã thực hiện quy trình REDD+ được hơn 10 năm, bắt đầu từ năm 2008/2009. Tính đến cuối năm 2018, Việt Nam đã hoàn thành 4 yêu cầu này và hiện đang tiếp cận các nguồn chi trả.



### 2. Các hoạt động hỗ trợ

JICA đã hỗ trợ Việt Nam thúc đẩy thực hiện REDD+ từ năm 2009 thông qua nhiều dự án khác nhau, bao gồm Dự án SNRM. Các hỗ trợ chính bao gồm:

#### [Chính sách REDD+]

- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho quá trình xây dựng và điều chỉnh Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP) (2012-2017)
- Xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 6 tỉnh

#### [Mức phát thải và NFMS]

- Chuẩn hóa dữ liệu theo dõi diễn biến rừng quốc gia qua các giai đoạn (2009-2012)
- Đánh giá tiềm năng REDD+ (2009-2012)
- Xây dựng và điều chỉnh FREL/FRL (2012-2018)
- Cải thiện hệ thống NFMS (2012-2020)

#### [Chi trả dựa vào kết quả]

- Cung cấp đầu vào kỹ thuật cho quá trình tính toán, báo cáo kết quả REDD+ (2018-2020)
- Xây dựng Đề xuất ý tưởng và Đề xuất chi trả dựa vào kết quả REDD+ để tiếp cận Quỹ khí hậu xanh (GCF) (2018-2020)

\* Hỗ trợ sau năm 2015 được thực hiện thông qua dự án SNRM.



### 3. Phát hiện

● Một hệ thống theo dõi diễn biến rừng và bộ dữ liệu chuẩn hóa, thống nhất toàn quốc là yêu cầu căn bản để xây dựng FREL/FRL, tính toán kết quả REDD+, giám sát và đánh giá hiệu quả công tác quản lý rừng bền vững tại Việt Nam. Do đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, quá trình xây dựng hệ thống NFMS cần được chủ động thực hiện trong thời gian sớm nhất có thể.

● Một số nguồn chi trả kết quả REDD+, ví dụ như Quỹ Các-bon của Ngân hàng Thế giới hay GCF, thường đặt ra rất nhiều yêu cầu về đảm bảo an toàn, bao gồm những yêu cầu chưa được quy định trong hệ thống pháp luật của các quốc gia đang phát triển. Do đó, cần thực hiện đánh giá sớm

những vấn đề này, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu đảm bảo an toàn trong REDD+ trong giai đoạn sẵn sàng thực hiện và chi trả REDD+.

● Về đề xuất chi trả kết quả REDD+ trong khuôn khổ GCF, cần phân tích kỹ biểu đánh giá (tiêu chí đánh giá) trong giai đoạn chuẩn bị đề xuất để xác định những tồn tại à hướng khắc phục tại mỗi quốc gia. Đây là giải pháp ưu tiên để tiếp cận nguồn chi trả dựa vào kết quả REDD+.

● Kế hoạch đầu tư hay sử dụng kinh phí chi trả kết quả REDD+ phải được thiết kế theo hướng tăng cường các chính sách, thể chế thúc đẩy REDD+ hoặc ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo tác động bền vững trên phạm vi quốc gia.



Mất rừng và suy thoái rừng là nguyên nhân làm tăng phát thải khí nhà kính.

## [Thành quả 2] KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG REDD + CẤP TỈNH (PRAP)

### 1. Bối cảnh và mục tiêu

Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP) yêu cầu mỗi tỉnh có rừng phải xây dựng, thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP). Dự án SNRM hỗ trợ xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện PRAP tại các tỉnh mục tiêu (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu).

### 2. Hoạt động và kết quả đầu ra

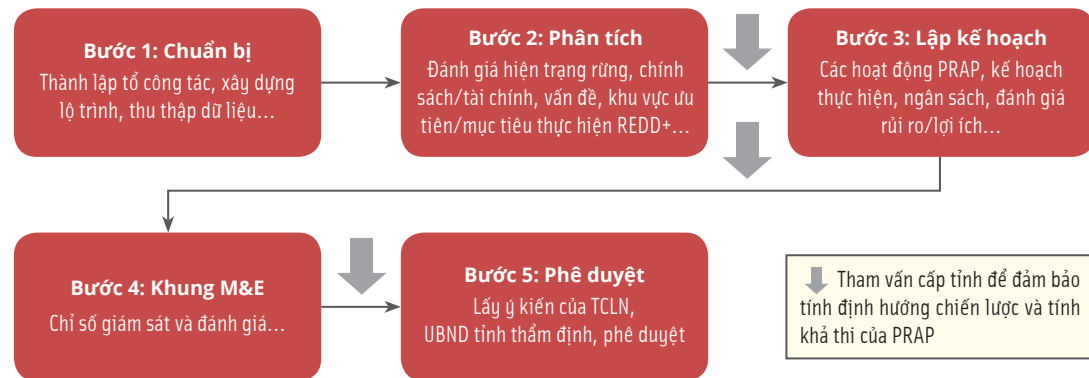
#### a. Xây dựng PRAP

##### ● Quá trình

Quá trình xây dựng PRAP bắt đầu vào tháng 10 năm 2016 với các bước chính sau:



Đại diện của 4 tỉnh tham dự hội thảo khởi động xây dựng PRAP tại Hà Nội (tháng 10 năm 2016)



##### ● Tham vấn

Để đảm bảo tính khả thi của PRAP, ý kiến, nhu cầu và lợi ích của tất cả các bên liên quan cần phải được tham vấn và tổng hợp. Nhiều cuộc họp tham vấn cấp tỉnh, huyện, xã và thôn bản đã được tổ chức ở các bước xây dựng khác nhau. Dự án đã sử dụng các thúc đẩy viên độc lập để tăng cường sự công bằng và minh bạch, đặc biệt là tại các cuộc thảo luận cấp xã và cấp bản. Tổng cộng, gần 2.500 người đã được tham vấn.

##### ● Xây dựng và phê duyệt kế hoạch

Sau nhiều lần thảo luận và sửa đổi, dự thảo PRAP đã được hoàn thành vào tháng 5 năm 2017, trước khi được cơ quan quản lý cấp trung ương và chính quyền cấp tỉnh xem xét, thẩm định và chính thức phê duyệt vào tháng 9/2017.

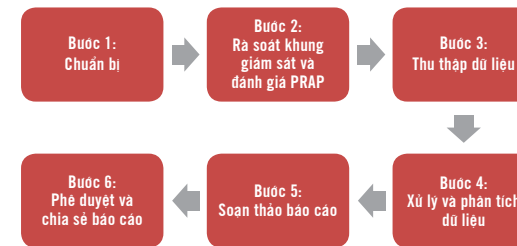
##### ● Chia sẻ kế hoạch

Sau khi PRAP được phê duyệt, một cuộc hội thảo chung và các hội thảo cấp tỉnh đã được tổ chức để thảo luận cách thức triển khai PRAP hiệu quả.

### b. Giám sát và thực hiện PRAP

● Với Dự án SNRM, PRAP được hỗ trợ thực hiện thông qua hoạt động tại các xã thí điểm và theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh. Sở NN&PTNT các tỉnh đảm bảo tính kết nối giữa các hoạt động thí điểm của dự án với việc triển khai PRAP trên địa bàn tỉnh.

● Dự án SNRM đã hỗ trợ giám sát PRAP cho năm 2018 (theo các bước dưới đây) và xây dựng tài liệu hướng dẫn giám sát thực hiện PRAP.



● Trong năm 2019, các tỉnh Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu đã chủ động tiến hành giám sát PRAP bằng nguồn lực của tỉnh.

● Kinh nghiệm của Dự án SNRM cũng là nguồn thông tin đầu vào để Việt Nam hoàn thiện quá trình xây dựng, triển khai và giám sát PRAP.

### 3. Các phát hiện, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

● Dù đều nằm trong khu vực Tây Bắc và có những nét riêng về tình hình phát triển và các vấn đề trong quản lý rừng, mỗi tỉnh vẫn cần áp dụng cách tiếp cận đa ngành trong xây dựng và thực hiện PRAP.

● Với hầu hết các tỉnh, tổ chuyên trách xây dựng PRAP cũng tham gia thực hiện và giám sát triển khai PRAP, nhằm đảm bảo tính nhất quán, hiệu quả và phát triển năng lực thể chế.

● PRAP cần tập trung vào các hoạt động giảm thiểu tác động và tăng cường các lợi ích xã hội & môi trường, trên cơ sở kết quả thực hiện và giám sát PRAP.



Tham vấn với cộng đồng địa phương tại tỉnh Sơn La (tháng 1 năm 2017)

### Tài liệu tham khảo

- PRAP của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017 đến 2020
- PRAP của tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 đến 2020
- PRAP của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017 đến 2020
- PRAP của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 đến 2020
- Báo cáo giám sát và đánh giá PRAP tỉnh Hòa Bình năm 2018
- Báo cáo giám sát và đánh giá PRAP tỉnh Sơn La năm 2018
- Báo cáo giám sát và đánh giá PRAP tỉnh Điện Biên năm 2018
- Báo cáo giám sát và đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018
- Hướng dẫn giám sát Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP), tháng 4 năm 2019.

*Tỉnh Hòa Bình sử dụng PRAP trong khi thảo luận về các chính sách và kế hoạch lâm nghiệp. Tôi cảm thấy rằng nhận thức của cộng đồng người dân và chính quyền địa phương về bảo vệ rừng đã được tăng cường, đặc biệt trong các lĩnh vực mục tiêu của PRAP.*



**Ông Nguyễn Xuân Trường**

(Phó Chi Cục Trưởng, Chi cục kiểm lâm Hòa Bình)

## Lời cảm ơn

Đầu tiên chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến các cá nhân, đơn vị đã đóng góp thời gian, công sức, thông tin, biên soạn cũng như đọc và góp ý hoàn thiện tài liệu này.

Chúng tôi xin cảm ơn các ông/bà Vũ Xuân Thôn, Nguyễn Xuân Dũng, Baku Takahashi, Shingo Kamiyama, Eri Saito, Đỗ Thị Thu Thủy, Phong Ngọc Thông, Masaaki Usui, Noriyoshi Kitamura, Takayuki Namura, Wataru Yamamoto, Makoto Fukuyama, Eiji Egashira, Daisuke Yumiyama, Kei Suzuki, Hozumi Hashiguchi, Mai Tống Giang, Phạm Văn Hùng, Vũ Đình Thắng, Vũ Văn Tuấn, Hoàng Đình Quốc, Nguyễn Trọng Hiệp, Hoàng Kim Giang, Leo Séo Bau, Mạc Văn Vũng, Nghiêm Xuân Hùng, Vũ Mạnh Đàm, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Tuấn Anh, Trần Thị Huyền, Hà Thị Ngọc Ánh, Trần Văn Hồ, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Ngọc Duy, Phạm Thị Hương, Kensei Oda, Takuya Nomura, Masanori Shintani, Shugo Hama, Phan Triều Giang, Đặng Hoàng Vân Hà, Lê Quang Minh, Đào Đức Tâm, Lê Khắc Đạo đã tham gia biên soạn, góp ý và hoàn thiện tài liệu.

Chúng tôi xin cảm ơn các đơn vị: Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Ban Quản lý Dự án Dự án SNRM Trung ương, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm vùng (I, II, III, IV), Phòng Dữ liệu thông tin tổng hợp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), Cục Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng Sinh học (Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã tham gia đóng góp ý kiến và hoàn thiện tài liệu.

Chúng tôi xin cảm ơn các đơn vị tại địa phương đã cùng phối hợp công tác và tham gia đóng góp ý kiến và hoàn thiện tài liệu gồm: Ban Quản lý Dự án tỉnh Hòa Bình, Sở NN&PTNT tỉnh Hòa Bình, UBND huyện Tân Lạc, UBND xã Thanh Hối, Ban Quản lý Dự án tỉnh Sơn La, Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La, UBND huyện Quỳnh Nhai, UBND xã Mường Giôn, Ban Quản lý Dự án tỉnh Điện Biên, Sở NN&PTNT tỉnh Điện Biên, UBND thành phố Điện Biên Phủ và UBND huyện Điện Biên, UBND xã Pá Khoang, Ban Quản lý Rừng Di Tích Lịch Sử Và Cảnh Quan Môi Trường Mường Phăng, Ban Quản lý Dự án tỉnh Lai Châu, Sở NN&PTNT tỉnh Lai Châu, UBND huyện Tân Uyên, UBND xã Phúc Khoa, Ban Quản lý Rừng Phòng hộ huyện Tân Uyên, Ban Quản lý Dự án tỉnh Lâm Đồng, Ban Quản lý khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Lang Biang, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà, UBND huyện Lạc Dương, UBND Thị trấn Lạc Dương, UBND xã Đa Nhim, UBND xã Đa Chais, Ban Quản lý Rừng Phòng hộ Đầu nguồn Đa Nhim.

## Phần nội dung bản quyền

Mọi quyền được bảo lưu.

Xây dựng nội dung: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)

Thiết kế: More Production Vietnam

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập:

Dự án Hỗ trợ kỹ thuật Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên

Bền vững (JICA/SNRM)

<https://www.jica.go.jp/project/vietnamese/vietnam/037/index.html>



Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp

<https://daln.gov.vn/en/home.html>

